

BÁO CÁO

**Về giải trình Báo cáo thẩm tra điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2022;
Cập nhật, điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021 - 2025 và
Định hướng Kế hoạch đầu tư công năm 2023 ngân sách Thành phố**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách tại Báo cáo thẩm tra số 76/BC-KTNS ngày 08/9/2022, UBND Thành phố báo cáo giải trình, làm rõ và bổ sung một số nội dung về giải trình Báo cáo thẩm tra điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2022; Cập nhật, điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021 - 2025 và Định hướng Kế hoạch đầu tư công năm 2023 ngân sách Thành phố tại các Tờ trình, Báo cáo của UBND Thành phố trình HĐND Thành phố ngày 30/8/2022: số 275/TTr-UBND, số 314/BC-UBND, số 276/TTr-UBND, số 312/BC-UBND, số 277/TTr-UBND, số 313/BC-UBND như sau:

I. Về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2022 ngân sách cấp Thành phố

1. Về cơ chế hỗ trợ ngành dọc

- Đối với lĩnh vực an ninh, quốc phòng: Khoản 9 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Điều 12 Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ, Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 8/12/2021 của HĐND Thành phố đã quy định cụ thể về việc sử dụng ngân sách địa phương hỗ trợ đầu tư ngành dọc và thẩm quyền quyết định là HĐND Thành phố.

- Đối với lĩnh vực tòa án, viện kiểm sát, thi hành án:

Tại Khoản 9 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 quy định về nguyên tắc phân cấp quản lý nguồn thu, nhiệm vụ chi và quan hệ giữa các cấp ngân sách thì ngân sách địa phương có thể hỗ trợ các đơn vị cấp trên đóng trên địa bàn khi thực hiện chức năng của mình, kết hợp thực hiện một số nhiệm vụ theo yêu cầu của cấp dưới. Chưa có quy định cụ thể về thẩm quyền quyết định hỗ trợ đầu tư.

Có một số dự án lĩnh vực tòa án, viện kiểm sát theo đề xuất của Tòa án nhân dân Thành phố, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố,... đã được ngân sách Thành phố hỗ trợ giai đoạn trước năm 2015, giai đoạn 2016-2020 và giai đoạn 2021-2025 tại Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 đã được HĐND Thành phố thông qua tại Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021.

Thời gian qua có một số quận, huyện đề xuất được sử dụng ngân sách cấp huyện hỗ trợ dự án ngành dọc (công an huyện, công an xã, tòa án nhân dân huyện,

doanh trại Ban chỉ huy quân sự huyện...). Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài chính, cơ quan chủ quản và UBND các quận, huyện để tham mưu UBND Thành phố báo cáo xin ý kiến Thường trực HĐND Thành phố xem xét, chấp thuận. Nếu triển khai theo trình tự hiện nay cho từng đề xuất của từng đơn vị cho từng dự án của từng ngành và phải qua nhiều khâu, nhiều bước, mất nhiều thời gian, thủ tục văn bản. Để giảm thiểu thủ tục hành chính, thời gian và để HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã có thể chủ động sử dụng ngân sách địa phương hỗ trợ đầu tư các dự án do ngành dọc quản lý trên từng địa bàn trong khả năng cân đối của từng quận, huyện, thị xã, UBND Thành phố đề xuất HĐND Thành phố thống nhất chủ trương cho phép ngân sách cấp huyện hỗ trợ đầu tư các dự án ngành dọc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, tòa án, viện kiểm sát, thi hành án như đã báo cáo tại Tờ trình số 275/TTr-UBND và Báo cáo số 314/BC-UBND ngày 30/8/2022.

2. Về việc 3.234,6 tỷ đồng đã xác định nguồn vốn thực hiện một số nhiệm vụ nhưng chưa được phân bổ chi tiết

- Nguồn vốn thực hiện dự án GPMB, xây dựng hạ tầng đầu giá các khu đầu giá quyền sử dụng đất cấp Thành phố đầu năm dự kiến 1.000 tỷ đồng nhưng đến nay chưa đề xuất phân bổ chi tiết do chưa có dự án đủ điều kiện bố trí vốn và đề xuất sử dụng để phân bổ cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án khác trong kỳ họp HĐND Thành phố tháng 9/2022.

- Chương trình mục tiêu quốc gia về nông thôn mới 1.000 tỷ đồng: Chưa phân bổ chi tiết đầu năm do Trung ương chưa ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Đến ngày 28/2/2022 và 08/3/2022, Thủ tướng Chính phủ mới ban hành Quyết định 263/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình và Quyết định số 318/QĐ-TTg phê duyệt Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025. Sau khi Trung ương có quy định, UBND Thành phố đã tích cực triển khai, rà soát và đã có Tờ trình 282/TTr-UBND ngày 31/8/2022 phân bổ Kế hoạch đầu tư công năm 2022 Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trình HĐND Thành phố vào kỳ họp tháng 9/2022.

- Hỗ trợ địa phương bạn 100 tỷ đồng: Tại Thông báo số 701-TB/TU ngày 23/3/2022, Ban Thường vụ Thành ủy đã đồng ý chủ trương hỗ trợ 3 triệu USD cho Thủ đô Viêng Chăn (Lào) để thực hiện dự án xây dựng trụ sở Sở Tư pháp và Viện kiểm sát nhân dân. Ngày 09/8/2022, Lãnh đạo UBND Thành phố và Lãnh đạo Thủ đô Viêng Chăn đã ký Biên bản thỏa thuận hỗ trợ kinh phí 3 triệu USD, trong đó nhất trí phương thức hỗ trợ: Việc chuyển tiền được thực hiện theo Hợp đồng và tiến độ thực hiện dự án theo Quyết định được phê duyệt. Dự án dự kiến khởi công xây dựng Quý III/2022, hoàn thành Quý I/2024. Như vậy, chưa xác định chính xác thời điểm chuyển tiền, số tiền chuyển thành 1 đợt hay nhiều đợt. Sở Kế hoạch và Đầu tư đã có Văn bản gửi Sở Ngoại vụ đề nghị bộ phận chức năng của nước Lào cung cấp các văn bản pháp lý phê duyệt dự án và nhu cầu vốn theo tiến độ thực hiện. Trên cơ sở đó, Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ phối hợp với các sở: Tài chính, Ngoại vụ tham mưu UBND Thành phố trình Thành ủy, Thường trực HĐND thành phố xem xét, phân bổ theo quy định.

- Hỗ trợ ngành dọc 346 tỷ đồng: Chưa phân bổ chi tiết đầu năm do chưa có dự án đủ điều kiện bố trí vốn. Tại Tờ trình số 275/TTr-UBND và Báo cáo số 314/BC-UBND ngày 30/8/2022 trình HĐND Thành phố, UBND Thành phố đã rà soát và đề xuất phân bổ kế hoạch vốn 129,73 tỷ đồng hỗ trợ xây dựng “Dự án đầu tư xây dựng cơ sở làm việc Công an xã gồm 82 cơ sở làm việc Công an xã thuộc Công an thành phố Hà Nội”. Ngày 08/9/2022, Cục công tác Đảng và công tác chính trị - Bộ Công an có Văn bản số 7509/X03-P4 đề xuất bố trí vốn cho “Dự án xây dựng Tượng đài Công an nhân dân vì dân phục vụ”. UBND Thành phố đề xuất phân bổ kế hoạch vốn 36,87 tỷ đồng cho dự án. Số vốn còn lại 179,4 tỷ đồng đề xuất sử dụng để phân bổ cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án khác trong kỳ họp HĐND Thành phố tháng 9/2022.

- Nguồn dự kiến cho nhiệm vụ quy hoạch theo cơ chế giải ngân linh hoạt 200 tỷ đồng: đã thông báo 2,45 tỷ đồng, còn 197,55 tỷ đồng chưa phân bổ chi tiết. Dự kiến bố trí Kế hoạch 2022 là 37,55 tỷ đồng cho nhiệm vụ lập Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 ngay khi đủ điều kiện phân bổ. Thành phố đã thành lập Ban Chỉ đạo tổ chức lập Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 từ tháng 6/2021. Hiện nay, Ban Chỉ đạo đang hoạt động thường xuyên, liên tục tại trụ sở UBND Thành phố. Các nhiệm vụ quy hoạch khác đang triển khai bước đầu nên không thể hấp thụ hết vốn dự kiến đầu năm. Còn 160 tỷ đồng đề xuất sử dụng để phân bổ cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án khác trong kỳ họp HĐND Thành phố tháng 9/2022.

- Vốn đầu tư trở lại cho các quận, huyện, thị xã từ tiền thuê đất trả tiền một lần: Kế hoạch đầu năm giao 822,65 tỷ đồng, tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 06/7/2022, HĐND Thành phố đã quyết nghị phân bổ 231,5 tỷ đồng, còn lại 591,1 tỷ đồng chưa phân bổ. Sở Tài chính báo cáo dự kiến hết Quý III/2022, sẽ tiếp tục triển khai cho các quận, huyện, thị xã báo cáo làm cơ sở tham mưu UBND Thành phố xin ý kiến Thường trực HĐND Thành phố trước khi quyết định.

3. Ban có ý kiến đề nghị báo cáo, đánh giá tình hình thực hiện đối với nguồn vốn thuộc kế hoạch năm 2021 kéo dài

- Kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài sang năm 2022 của Thành phố là 2.822,518 tỷ đồng, trong đó: cấp Thành phố là 1.247,142 tỷ đồng và cấp huyện là 1.575,376 tỷ đồng.

- Đến ngày 09/9/2022, giải ngân *kế hoạch vốn đầu tư công của Thành phố năm 2021 kéo dài sang năm 2022* là 780,991 tỷ đồng, đạt 27,67% kế hoạch vốn, trong đó: cấp Thành phố là 225,033 tỷ đồng, đạt 18,04% kế hoạch; cấp huyện là 555,957 tỷ đồng, đạt 35,29% kế hoạch.

(Chi tiết tại Phụ lục 2 gửi kèm)

UBND Thành phố sẽ tiếp tục chỉ đạo các đơn vị tập trung đẩy mạnh giải ngân và Kho bạc Nhà nước Hà Nội thực hiện giải ngân đối với nguồn vốn 2021 kéo dài trước khi giải ngân nguồn vốn kế hoạch 2022.

4. Ban có ý kiến về đánh giá tình hình giải ngân theo ngành, lĩnh vực, chủ đầu tư; làm rõ nguyên nhân chủ quan

19

4.1. Công tác chỉ đạo, giải pháp điều hành sau kỳ họp HĐND Thành phố giữa năm

Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố, HĐND Thành phố đã tổ chức họp chuyên đề về phân bổ vốn và giải ngân tại kỳ họp giữa năm, trong đó đã phân tích các nguyên nhân khách quan, chủ quan, biện pháp khắc phục trong thời gian tới.

Ngay sau kỳ họp HĐND Thành phố giữa năm, UBND Thành phố đã: (1) Ban hành Chỉ thị 10/CT-UBND ngày 21/7/2022 về tăng cường thực hiện, giải ngân Kế hoạch đầu tư công năm 2022, trong đó nhấn mạnh tập trung tháo gỡ khó khăn, đặc biệt là các nút thắt trong thực hiện Kế hoạch đầu tư công, như: Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong GPMB đối với các dự án trên địa bàn Thành phố; Đẩy nhanh các thủ tục đầu tư, kịp thời cập nhật, điều chỉnh công bố chỉ số giá xây dựng, giá vật liệu xây dựng (đơn giá trực tiếp), hướng dẫn tính toán đơn giá vận chuyển đảm bảo phù hợp mặt bằng giá thị trường; (2) Tổ chức 03 hội nghị giao ban xây dựng cơ bản toàn Thành phố vào các ngày: 17/6/2022, 02/8/2022, 07/9/2022; 01 hội nghị do Phó Thủ tướng Lê Văn Thành chủ trì làm việc với Thành phố ngày 26/8/2022; và nhiều cuộc họp giao ban của các ngành, lĩnh vực... để tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy tiến độ các dự án và nâng cao tỷ lệ giải ngân.

Tại Hội nghị giao ban xây dựng cơ bản toàn Thành phố ngày 07/9/2022, Chủ tịch UBND Thành phố đã giao các chủ đầu tư khẩn trương cam kết giải ngân với Thành phố, kết quả cam kết của các đơn vị đến ngày 10/9/2022 như sau:

- Theo văn bản cam kết của các đơn vị, toàn thành phố dự kiến sẽ giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2022 cả năm đạt 93,2% kế hoạch vốn. Kế hoạch vốn này được tính gồm kế hoạch đã phân bổ chi tiết cho các đơn vị cập nhật đến hết kỳ họp HĐND Thành phố tháng 9/2022; và kế hoạch vốn ODA dự kiến sẽ được Trung ương chấp thuận điều chỉnh giảm: 2.145 tỷ đồng - theo đề xuất của các đơn vị đến thời điểm hiện nay). Nhiều đơn vị chưa cam kết giải ngân kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài.

- Trong số 39 đơn vị được giao kế hoạch vốn năm 2022, có 08 đơn vị cam kết giải ngân 100% kế hoạch vốn; có 03 đơn vị cam kết giải ngân dưới 90%; có 21 đơn vị cam kết giải ngân từ 90-95%; có 07 đơn vị cam kết giải ngân từ 95,1%-99,6%. Một số đơn vị cam kết giải ngân cao (100%, 95% nhưng tính tỷ lệ giải trên số kế hoạch tiếp tục đề xuất Thành phố điều chỉnh giảm kế hoạch vốn).

- Tính chung của toàn Thành phố, các đơn vị cam kết giải ngân ngân sách cấp Thành phố đạt 92,2%; ngân sách cấp huyện (gồm ngân sách cấp huyện theo phân cấp và ngân sách thành phố hỗ trợ mục tiêu) đạt 93,7%. Khỏi các quận, huyện, thị xã cần phải nỗ lực và có biện pháp mạnh mẽ hơn nữa để nâng cao tỷ lệ giải ngân. Theo tính toán, trong trường hợp Trung ương chấp thuận giảm nguồn vốn ODA cấp phát theo đề xuất của các đơn vị, thì kế hoạch vốn do UBND các quận, huyện, thị xã chịu trách nhiệm giải ngân gấp hơn 2 lần số kế hoạch vốn do các Ban và một số sở của Thành phố chịu trách nhiệm giải ngân.

- Hiện nay, Thành phố còn 02 khoản kinh phí: (1) Bổ sung cho Quỹ đầu tư phát triển Thành phố thực hiện ứng vốn giải phóng mặt bằng Vành đai IV (2.256,39

tỷ đồng); (2) giải ngân theo cơ chế thanh toán linh hoạt (kế hoạch là: 1.872,974 tỷ đồng. 02 khoản kinh phí này chiếm 8% tổng số kế hoạch vốn. Trong thời gian tới, các đơn vị cần phải khẩn trương giải ngân đối với kế hoạch vốn của các nhiệm vụ này để đóng góp vào tỷ lệ giải ngân chung của toàn Thành phố.

4.2. Tình hình giải ngân theo ngành, lĩnh vực, chủ đầu tư

Cập nhật thông tin kết quả giải ngân đến ngày 09/9/2022, giải ngân vốn đầu tư công của toàn Thành phố là 15.334,9 tỷ đồng, đạt 30% kế hoạch giao, cao hơn so với cùng kỳ năm ngoái (tỷ lệ giải ngân đến ngày 31/8/2021 là 25,3%). Trong đó, tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn thực hiện các nhiệm vụ, dự án đầu tư cấp Thành phố đạt 23,5% kế hoạch vốn (tỷ lệ giải ngân vốn các dự án XDCB tập trung cấp Thành phố đạt 22,1%), tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn thực hiện các chương trình, dự án đầu tư cấp huyện đạt 34,9%. (Chi tiết tại Phụ lục 1 gửi kèm).

a. Kết quả giải ngân theo lĩnh vực thực hiện nhiệm vụ, dự án cấp Thành phố

- Lĩnh vực đô thị (Môi trường, rác thải, địa chính, HTKT tái định cư, trụ sở liên cơ quan): 95,603/552 tỷ đồng, đạt 17,32% kế hoạch. Trong đó có Dự án di dân vùng ảnh hưởng môi trường (bán kính 500m) của Bãi chôn lấp hợp vệ sinh huyện Ba Vì (5,6ha) kết hợp trồng cây xanh tạo hành lang cách ly: KH vốn 50 tỷ đồng, chưa giải ngân.

- Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật (cấp thoát nước, nước thải, chiếu sáng, nghĩa trang) và giao thông đô thị: 1.304,639/3.518,5 tỷ đồng, đạt 37,08%. Trong đó có dự án Xây dựng tuyến đường vành đai 3,5 (Các đoạn Km0+600-Km1+700; Km2+050-Km2+550; Km3+340-Km5+500), huyện Hoài Đức: KH vốn 100 tỷ đồng, giải ngân được 2 tỷ đồng, đạt 2%.

- Lĩnh vực khoa giáo văn xã: 342,962/1.063,5 tỷ đồng, đạt 32,25%. Trong đó có dự án Chỉnh trang mặt bằng do Bộ Quốc phòng và hai hộ gia đình lão thành cách mạng bàn giao thuộc di tích Hoàng Thành Thăng Long: KH vốn 88 tỷ đồng, chưa giải ngân.

- Lĩnh vực kinh tế ngành (nông nghiệp, công nghiệp, giao thông các huyện): 373,951/4.116 tỷ đồng, đạt 9,09%. Trong đó có 02 dự án: (1) Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía Tây thành phố Hà Nội (trạm bơm tiêu Yên Nghĩa) - Giai đoạn 1: KH vốn 543 tỷ đồng, giải ngân 213 triệu đồng, đạt 0,04%; (2) Tiếp nước cải tạo khôi phục sông Tích từ Lương Phú xã Thuận Mỹ, huyện Ba Vì: KH vốn 400 tỷ đồng, giải ngân 22 triệu đồng, đạt 0,01%.

- Lĩnh vực an ninh, quốc phòng, tư pháp: 137,1/725,8 tỷ đồng, đạt 18,89%. Trong đó có dự án Nhà hát Hồ Gươm (Bộ Công an): DA mới, KH 100 tỷ đồng, chưa giải ngân.

- Dự án ODA: 1.069,973/5.672,801 tỷ đồng, đạt 18,86%. Trong đó có dự án Tăng cường giao thông đô thị bền vững cho dự án Đường sắt đô thị số 3 Hà Nội: KH 177,808 tỷ đồng, giải ngân 137 triệu đồng, đạt 0,08%.

b. Kết quả giải ngân theo đầu mối các đơn vị:

b1. Đối với các Ban quản lý dự án của Thành phố và các sở, ngành:

- Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông: 879,31 tỷ đồng, đạt 45,8% (kế hoạch: 1.919,259 tỷ đồng).
- Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng: 943,073 tỷ đồng, đạt 44,2% (kế hoạch: 2.131,861 tỷ đồng).
- Ban QLDA ĐTXD hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp: 654,242 tỷ đồng, đạt 20,8% (kế hoạch: 3.143,172 tỷ đồng).
- Ban quản lý đường sắt đô thị Hà Nội đạt: 628,518 tỷ đồng, đạt 18,5% (kế hoạch: 3.394,993 tỷ đồng).
- Bộ Tư lệnh Thủ đô: 48,385 tỷ đồng, đạt 28,5% (kế hoạch: 170 tỷ đồng).
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 217,539 tỷ đồng, đạt 16% (kế hoạch: 1.360,523 tỷ đồng).
- Bảo tàng Hà Nội: 367 triệu đồng, đạt 0,6% (kế hoạch: 60 tỷ đồng).
- Sở Tài nguyên Môi trường: 476 triệu đồng, đạt 0,5% (kế hoạch: 100 tỷ đồng).
- 04 đơn vị chưa giải ngân (đạt tỷ lệ 0%): Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội (kế hoạch 88 tỷ đồng), Đài phát thanh và truyền hình Hà Nội (kế hoạch 28,5 tỷ đồng, Cục Hậu cần - Bộ Công an (kế hoạch 100 tỷ đồng), Công an thành phố Hà Nội (kế hoạch 49,8 tỷ đồng).

b2. Kết quả giải ngân đối với 30 quận, huyện, thị xã (kế hoạch vốn là 31.503,910 tỷ đồng, trong đó các dự án cấp Thành phố là: 4.072,407 tỷ đồng, các dự án cấp huyện là 27.431,503 tỷ đồng), trong đó:

- Một số quận, huyện có kết quả giải ngân tốt: Long Biên (97,1% - dự án cấp huyện); Ba Đình (86,9%, trong đó dự án cấp Thành phố đạt 27,3%, dự án cấp huyện đạt 100%); Tây Hồ (82,4% - dự án cấp huyện); Đống Đa (78,0%, trong đó dự án cấp Thành phố đạt 49,4%, dự án cấp huyện đạt 85,7%); Hoàn Kiếm (63,8% - dự án cấp huyện); Thanh Xuân (54,6% - dự án cấp huyện); Đan Phượng (49,7%, trong đó dự án cấp Thành phố đạt 58,5%, dự án cấp huyện đạt 49,2%); Mê Linh (47,0%, trong đó dự án cấp Thành phố đạt 6,2%, dự án cấp huyện đạt 66,2%); Mỹ Đức (43,6%, trong đó dự án cấp Thành phố đạt 0,67%, dự án cấp huyện đạt 49,1%);

- Một số quận, huyện có tỷ lệ giải ngân các dự án cấp Thành phố rất thấp: Ứng Hòa (0%), Mỹ Đức (0,67%), Thanh Oai (1,1%), Sóc Sơn (3,0%), Mê Linh (6,2%), Quốc Oai (6,3%), Ba Vì (7,6%), Chương Mỹ (7,9%).

- Một số đơn vị có tỷ lệ giải ngân các dự án cấp huyện cao, nhưng tỷ lệ giải ngân các dự án cấp Thành phố rất thấp. Như Mỹ Đức - giải ngân cấp dự án cấp huyện là 49,1%, giải ngân dự án cấp Thành phố: 0,67%; Mê Linh - giải ngân dự án cấp huyện 66,2%, giải ngân dự án cấp Thành phố 6,2%; Thanh Oai - giải ngân dự án cấp huyện 58,9%, giải ngân dự án cấp Thành phố: 1,1%.

(Chi tiết tại Phụ lục 02 gửi kèm)

4.3. Làm rõ một số nguyên nhân chủ quan

- Có sự thiếu quyết liệt của một số chủ đầu tư và một số đơn vị thực hiện công tác liên quan đến GPMB.

- Sự phối hợp thực hiện nhiệm vụ giữa một số chủ đầu tư và các đơn vị liên quan, các quận, huyện, nhà thầu chưa tốt dẫn đến chậm tiến độ thực hiện thi công, hoàn thành thủ tục giải ngân vốn đã giao....

- Đối với các dự án chuyên tiếp: Hầu hết các chủ đầu tư trong các tháng đầu năm đẩy mạnh thực hiện thi công để hoàn trả khối lượng cho phần vốn đã tạm ứng năm 2021 và thanh toán kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài nên khối lượng thực hiện để giải ngân kế hoạch vốn 2022 chưa nhiều; một số dự án phải điều chỉnh dự án nên chậm giải ngân.

- Một số đơn vị chưa thực hiện nghiêm túc về tiến độ và chất lượng chế độ báo cáo theo quy định và chỉ đạo của Thành phố. Một số đơn vị không thực hiện được cam kết về giải ngân với Thành phố dẫn đến việc không giải ngân hết kế hoạch vốn năm 2021 và phải thực hiện thủ tục kéo dài kế hoạch vốn năm 2021 sang năm 2022. Do vậy, một số đơn vị phải thực hiện giải ngân 02 Kế hoạch năm 2021 kéo dài và Kế hoạch năm 2022, nên ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân kế hoạch vốn năm 2022.

5. Về việc hỗ trợ xây dựng 82 cơ sở làm việc công an xã thuộc Công an thành phố Hà Nội, Ban có ý kiến về làm rõ tiêu chí lựa chọn đầu tư, quy mô, nội dung đầu tư.

Đầu tư xây dựng mới Trụ sở làm việc đáp ứng đủ điều kiện làm việc, ứng trực, sinh hoạt cho cán bộ chiến sỹ Công an xã trên địa bàn Thành phố Hà Nội theo phương án biên chế đến năm 2025 đã được duyệt và những năm tiếp theo.

Thực hiện Nghị quyết số 22 ngày 15/3/2018 của Bộ chính trị về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy Bộ Công an tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Chủ trương của Đảng ủy Công an Trung ương, Thành ủy Hà Nội, Công an Thành phố đã triển khai bố trí Công an chính quy tại toàn bộ 383 xã và 21 thị trấn thuộc 18 huyện, thị xã trên địa bàn. Do các công an xã chính quy mới được triển khai thành lập, nên đa phần (373/404 Công an cấp xã) được bố trí trong trụ sở UBND xã hoặc mượn tạm trụ sở của các đơn vị khác.

Căn cứ văn bản số 3463/QHKT-KHTH ngày 21/7/2021 ngày 21/7/2021 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội về việc kết quả rà soát, bố trí quỹ đất để xây dựng trụ sở Công an xã, thị trấn trên địa bàn thành phố Hà Nội, Công an Thành phố đã phân kỳ thực hiện đầu tư xây dựng trụ sở Công an xã trong giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 dự kiến triển khai đầu tư 82 trụ sở Công an xã. Các trụ sở Công an xã khác sẽ tiếp tục rà soát, đánh giá thực trạng và sắp xếp thứ tự ưu tiên, sự cần thiết đầu tư đề xuất thực hiện trong các năm 2023-2025.

6. Về việc tiếp tục rà soát, đề xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch của các đơn vị

Các đề xuất bố trí vốn điều chỉnh, bổ sung đã được rà soát, tổng hợp, báo cáo HĐND Thành phố tại Tờ trình số 275/TTr-UBND, Báo cáo số 314/BC-UBND ngày 30/8/2022 của UBND Thành phố. Tại Tờ trình và Báo cáo nêu trên, UBND Thành phố đã đề xuất “Để đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2022, từ nay đến thời điểm họp HĐND Thành phố, trường hợp phát sinh nhu cầu điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2022, đề xuất HĐND Thành phố cho phép UBND

Thành phố tiếp tục được rà soát, cập nhật tại Báo cáo giải trình, bổ sung với HĐND Thành phố”.

Đến nay, phát sinh một số đơn vị rà soát, đề xuất lại nhu cầu điều chỉnh, một số đơn vị kịp thời hoàn thiện thủ tục, hồ sơ dự án, đảm bảo đủ điều kiện bố trí vốn, UBND Thành phố kính đề nghị HĐND Thành phố xem xét cho phép điều chỉnh kế hoạch vốn như sau:

6.1. Đối với dự án XD CB cấp Thành phố

Thay đổi mức giảm kế hoạch vốn của 06 dự án từ 520.000 triệu đồng sang 436.500 triệu đồng (so với phương án đã trình tại Báo cáo số 314/BC-UBND ngày 30/8/2022), số vốn không giảm như phương án đã báo cáo là 83.500 triệu đồng, trong đó:

- Giảm 146.500 triệu đồng của 04 dự án do vướng GPMB và đang thực hiện điều chỉnh dự án.

- Thay đổi mức giảm kế hoạch vốn của 02 dự án lĩnh vực thủy lợi từ 520.000 triệu đồng sang 290.000 triệu đồng, số vốn không giảm như phương án đã báo cáo là 230.000 triệu đồng, cụ thể:

- + Dự án Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía Tây thành phố Hà Nội (trạm bơm tiêu Yên Nghĩa): thay đổi mức giảm từ 320.000 triệu đồng sang 250.000 triệu đồng, số vốn không giảm như phương án đã báo cáo là 70.000 triệu đồng.

- + Dự án Tiếp nước cải tạo khôi phục sông Tích từ Lương Phú xã Thuần Mỹ, huyện Ba Vì: thay đổi mức giảm từ 200.000 triệu đồng sang 40.000 triệu đồng, số vốn không giảm như phương án đã báo cáo là 160.000 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 3 kèm theo).

6.2. Đối với kế hoạch vốn ghi thu, ghi chi nguồn tiền sử dụng đất đối ứng cho các dự án BT: Trên cơ sở rà soát tình hình thực hiện và khả năng giải ngân của 03 dự án thuộc danh mục dự án ghi thu, ghi chi nguồn tiền sử dụng đất đối ứng cho các dự án BT năm 2022, UBND Thành phố đề xuất điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 770.000 triệu đồng của 03 dự án.

(Chi tiết tại Phụ lục 4 kèm theo).

6.3. Đối với hỗ trợ ngành dọc

Tại Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 06/7/2022, HĐND Thành phố đã chấp thuận chủ trương cho phép sử dụng ngân sách thành phố Hà Nội hỗ trợ thực hiện Dự án “Xây dựng tượng đài Công an nhân dân vì dân phục vụ”. Đến nay, dự án đã có Quyết định phê duyệt dự án đầu tư, UBND Thành phố đề xuất bố trí vốn 36.870 triệu đồng để thực hiện dự án theo đề xuất của Cục công tác Đảng và công tác chính trị - Bộ Công an.

Nguồn vốn 36.870 triệu đồng được đề xuất bố trí từ kinh phí hỗ trợ ngành dọc dự kiến đầu năm là 346.000 triệu đồng.

Sau phương án bố trí 129.730 triệu đồng hỗ trợ 82 cơ sở làm việc công an xã thuộc Công an thành phố Hà Nội đã báo cáo tại Tờ trình số 275/TTr-UBND, Báo

cáo số 314/BC-UBND ngày 30/8/2022 và hỗ trợ 36.870 triệu đồng “xây dựng tượng đài Công an nhân dân vì dân phục vụ”, số kinh phí hỗ trợ ngành dọc còn lại là 179.400 triệu đồng, giảm 36.870 triệu đồng so với số 216.270 triệu đồng đã báo cáo tại Tờ trình số 275/TTr-UBND, Báo cáo số 314/BC-UBND ngày 30/8/2022.

(Chi tiết tại Phụ lục 3 kèm theo).

6.4. Đối với dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện được ngân sách Thành phố hỗ trợ

Tổng điều chỉnh giảm 18.300 triệu đồng của 13 dự án so với phương án đã trình tại Báo cáo số 314/BC-UBND ngày 30/8/2022, trong đó:

a. Phân loại theo điều chỉnh tăng, giảm:

- Điều chỉnh giảm 69.800 triệu đồng của 06 dự án.
- Điều chỉnh tăng 51.500 triệu đồng cho 07 dự án.

b. Phân loại theo lĩnh vực:

- Các dự án thực hiện “Kế hoạch đầu tư xây dựng, cải tạo trường học công lập để đủ điều kiện đạt chuẩn quốc gia, nâng cấp hệ thống y tế và tu bổ, tôn tạo di tích trong giai đoạn 2022-2025”: 18.700 triệu đồng cho 10 dự án, trong đó:

- + Xây dựng trường học đạt chuẩn: giảm 32.800 triệu đồng của 03 dự án.
- + Hỗ trợ nâng cấp y tế cơ sở: bố trí vốn 8.000 triệu đồng cho 03 dự án.
- + Hỗ trợ bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử: bố trí vốn 43.500 triệu đồng cho 04 dự án.
- Các dự án xây dựng hạ tầng kinh tế: giảm 37.000 triệu đồng của 03 dự án.

(Chi tiết tại Phụ lục 5 kèm theo).

6.5. Về nguồn vốn: Tổng điều chỉnh giảm kế hoạch vốn ghi thu, ghi chi nguồn tiền sử dụng đất đối ứng cho các dự án BT và dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện được ngân sách Thành phố hỗ trợ là 788.300 triệu đồng (=770.000 + 18.300 triệu đồng). Sau khi bù phần không giảm của các dự án thuộc nhiệm vụ chi cấp Thành phố 83.500 triệu đồng và 36.870 triệu đồng cân đối từ nguồn kinh phí hỗ trợ ngành dọc, tổng điều chỉnh giảm kế hoạch vốn còn lại là 667.930 triệu đồng.

UBND Thành phố đề xuất sử dụng nguồn vốn điều chỉnh giảm còn lại là 667.930 triệu đồng để bổ sung thêm vốn cho Quỹ phát triển đất ủy thác qua Quỹ đầu tư phát triển Thành phố để thực hiện ứng vốn giải phóng mặt bằng Dự án đường Vành đai IV theo cơ chế đặc thù đang được Thủ tướng Chính phủ xem xét và trình HĐND Thành phố xem xét, chấp thuận tại Tờ trình số 305/TTr-UBND ngày 09/9/2022. Như vậy, tổng nguồn vốn đề xuất bổ sung cho Quỹ phát triển đất ủy thác qua Quỹ đầu tư phát triển Thành phố để thực hiện ứng vốn giải phóng mặt bằng Dự án đường Vành đai IV là 2.256.390 triệu đồng (=667.930 + 1.588.460 triệu đồng đã trình tại Tờ trình số 275/TTr-UBND và Báo cáo số 314/BC-UBND ngày 30/8/2022).

Sau phương án bổ sung điều chỉnh kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách Thành phố năm 2022, tổng kế hoạch đầu tư công của Thành phố không thay đổi là 51.582.952 triệu đồng, trong đó nguồn vốn cấp huyện là 29.751.983 triệu đồng, ngân sách cấp Thành phố là 21.320.969 triệu đồng.

6.6. Bổ sung việc cập nhật kế hoạch trung hạn 5 năm 2021-2025 cho các dự án đủ điều kiện và được bố trí vốn năm 2022 tại kỳ họp lần này

Cập nhật Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 đối với các dự án ngân sách Thành phố hỗ trợ cấp huyện, chi tiết danh mục dự án, kế hoạch vốn như tại mục II.5.4 (Phụ lục 5).

6.7. Về ngân sách các quận hỗ trợ các huyện năm 2022 theo Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc Hội

Tại Tờ trình số 275/BC-UBND, Báo cáo số 314/BC-UBND ngày 30/8/2022, UBND Thành phố đã trình HĐND Thành phố cho phép quận Bắc Từ Liêm hỗ trợ 02 huyện (Chương Mỹ, Phú Xuyên) với kinh phí 22.400 triệu đồng cho 02 dự án. Sau khi tiếp tục rà soát, UBND Thành phố kính trình HĐND Thành phố cho phép bổ sung **quận Hai Bà Trưng** hỗ trợ **03 huyện, thị xã** (Ba Vì, Mỹ Đức, Sơn Tây) với kinh phí **9.500** triệu đồng cho **03** dự án do các đơn vị đã hoàn thiện thủ tục.

Cụ thể các lĩnh vực hỗ trợ như sau:

- Lĩnh vực giáo dục: 3.000 triệu đồng cho 01 dự án
- Lĩnh vực văn hóa: 6.500 triệu đồng cho 02 dự án.

Trong đó, Sở Tài chính đã có văn bản xác nhận nguồn vốn hỗ trợ của quận Hai Bà Trưng là phù hợp với quy định; 03 dự án đã có quyết định phê duyệt dự án, đủ điều kiện bố trí vốn theo quy định.

(Chi tiết tại Phụ lục 6 đính kèm)

Sau phương án bổ sung, UBND Thành phố kính trình HĐND Thành phố cho phép **02 quận** (Bắc Từ Liêm, Hai Bà Trưng) hỗ trợ **05 huyện, thị xã** (Ba Vì, Chương Mỹ, Mỹ Đức, Phú Xuyên, Sơn Tây) với kinh phí **31.900** triệu đồng cho **05** dự án.

II. Về cập nhật, điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021 – 2025 của thành phố Hà Nội

1. Ban đề nghị rà soát đối với các dự án hoàn thành trong giai đoạn phải bố trí đủ vốn để đảm bảo đáp ứng nhu cầu kinh phí thực hiện, tránh trường hợp thiếu hụt trong cân đối tổng nguồn cần đảm bảo.

Các dự án đề nghị cập nhật, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tại kỳ họp HĐND Thành phố tháng 9/2022 chủ yếu là các dự án chuyển tiếp cần bổ sung kế hoạch vốn năm 2022 và trung hạn để hoàn thành dự án và các dự án được HĐND Thành phố phê duyệt/ điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tại kỳ họp HĐND Thành phố tháng 7/2022. Kế hoạch vốn trung hạn bố trí cho các dự án trên cơ sở nhu cầu vốn, khả năng hoàn thành của các dự án trong giai đoạn và đã báo cáo HĐND Thành phố khi xem xét phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án. Tiếp thu ý

kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND Thành phố sẽ tiếp tục rà soát các dự án hoàn thành trong giai đoạn đề ưu tiên bố trí đủ vốn, đảm bảo đáp ứng nhu cầu kinh phí thực hiện của các dự án.

2. Ban đề nghị rà soát, chỉ đạo dứt điểm, tập trung hoàn thiện thủ tục và nhanh chóng triển khai thi công đảm bảo theo tiến độ, đặc biệt là các dự án, công trình trọng điểm Thành phố.

Hiện nay, việc triển khai các thủ tục đầu tư như điều chỉnh dự án (như điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư), phê duyệt dự án mới,... của các dự án đầu tư công còn chậm, gồm cả các dự án trọng điểm, dự án sử dụng vốn ODA. Tại báo cáo chuyên đề về giải ngân Kế hoạch đầu tư công năm 2022 tại kỳ họp HĐND Thành phố tháng 7/2022, UBND Thành phố đã báo cáo rõ nguyên nhân chậm triển khai kế hoạch trung hạn và hàng năm. Trong đó, có nhiều nguyên nhân khách quan, chủ quan nhưng có nguyên nhân chính là vướng mắc về công tác giải phóng mặt bằng và vướng mắc về biến động giá, công bố giá làm chậm phê duyệt dự án mới để đủ điều kiện bố trí vốn hàng năm và việc thi công cầm chừng của các dự án đang triển khai.

UBND Thành phố đang chỉ đạo sát sao các sở, ngành, đơn vị, chủ đầu tư để thúc đẩy triển khai các dự án, tăng khả năng hấp thụ vốn, giải ngân vốn đầu tư công của Thành phố.

3. Ban đề nghị tiếp tục triển khai rà soát cơ cấu ngành, lĩnh vực, cập nhật Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 phù hợp với yêu cầu thực tế, trong đó lưu ý với nguồn vốn ngân sách Trung ương theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về bổ sung, điều chỉnh giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 – 2025 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương (đợt 3); Đồng thời, đề nghị UBND Thành phố tiếp tục rà soát, cập nhật phương án sử dụng nguồn vốn bổ sung của Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021 – 2025 cho phù hợp với dự kiến nhu cầu vốn của từng dự án, nhất là các dự án trọng điểm có quy mô lớn (như dự án Tuyến đường sắt đô thị thí điểm thành phố Hà Nội, đoạn Nhổn - ga Hà Nội đang được UBND trình HĐND Thành phố về chủ trương đầu tư trong kỳ họp này); đề nghị làm rõ danh mục 10 dự án, công trình trọng điểm dự kiến sử dụng 16.260 tỷ từ nguồn bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn.

a. Về cập nhật, bổ sung tổng nguồn cho Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 cấp Thành phố và bố trí vốn trung hạn cho Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội.

Ngày 29/8/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29/8/2022 về việc bổ sung, điều chỉnh, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương (đợt 3), trong đó: Thành phố Hà Nội được giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 từ nguồn ngân sách trung ương là 8.400 tỷ đồng để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội. Dự án này đã được HĐND Thành phố đã thống nhất chủ trương bố trí, cân đối vốn cho dự án từ ngân sách Thành phố là 19.477 tỷ đồng tại Nghị quyết số 07/NQ-HĐND

ngày 20/5/2022 (*để phục vụ phê duyệt chủ trương đầu tư dự án*) và Quốc hội thông qua chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 56/2022/QH15 ngày 16/6/2022.

Đồng thời, tại Quyết định này, Thủ tướng chính phủ chỉ đạo các đơn vị được giao vốn phải báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 15/9/2022 về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 chi tiết danh mục dự án và mức vốn cho các đơn vị sử dụng vốn đầu tư công của Thành phố.

Để kịp thời triển khai các thủ tục đầu tư tiếp theo của dự án và thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ nêu trên, UBND Thành phố đề xuất cập nhật tăng tổng nguồn kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 cấp Thành phố là 8.400 tỷ đồng từ nguồn vốn ngân sách trung ương và giao kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025 cho Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội là 27.877 tỷ đồng, gồm: Ngân sách trung ương là 8.400 tỷ đồng và ngân sách địa phương là 19.477 tỷ đồng (*Nguồn vốn ngân sách địa phương đã được UBND Thành phố báo cáo tại Tờ trình số 108/TTr-UBND ngày 13/5/2022 và HĐND Thành phố thông qua tại Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 20/5/2022*).

(Chi tiết tại Phụ lục 7 kèm theo)

b. Về việc tiếp tục triển khai rà soát cơ cấu ngành, lĩnh vực và rà soát, cập nhật phương án sử dụng nguồn vốn bổ sung của Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 đảm bảo phù hợp với thực tế, nhu cầu vốn của từng dự án.

UBND Thành phố đề xuất bổ sung 30.000 tỷ đồng cho Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 từ nguồn huy động của Thành phố thuộc hạn mức dư nợ vay của Thành phố theo Nghị quyết số 115/2020/QH14 của Quốc hội để làm cơ sở lập, thẩm định, phê duyệt/điều chỉnh chủ trương đầu tư cho các dự án đảm bảo đúng quy định của Luật Đầu tư công về khả năng cân đối nguồn vốn và nhằm thúc đẩy triển khai thực hiện các dự án chuyển tiếp, dự án mới của các lĩnh vực đầu tư và đặc biệt là các công trình trọng điểm của Thành phố. Trong đó có: Dự án Xây dựng tuyến đường sắt đô thị thí điểm Thành phố, đoạn Nhổn - ga Hà Nội đang làm thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư và 10 dự án trọng điểm có sử dụng vốn ngân sách, dự kiến triển khai các thủ tục đầu tư, khởi công trong giai đoạn 2021-2025 (*gồm: 04 dự án giao thông, không bao gồm dự án Tuyến đường sắt số 5; 02 dự án giáo dục; 01 dự án thủy lợi; 01 dự án môi trường; 02 dự án thoát nước*)¹.

Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 của các dự án nêu trên sẽ được xác định chính xác sau khi dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt/ điều chỉnh chủ trương đầu tư. Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, thời gian tới, UBND Thành phố tiếp tục chỉ đạo các đơn vị: Rà soát danh mục dự án chuyển tiếp, dự án mới, các dự án thuộc kế hoạch đầu tư xây dựng 3 lĩnh vực y tế, giáo dục, di tích để ưu tiên bố trí đủ vốn cho các dự án hoàn thành trong giai đoạn và tiến độ triển khai; Rà soát khả năng cân đối vốn của từng ngành, lĩnh vực để lựa chọn danh mục và sắp

¹ Trường Đào tạo cán bộ Lê Hồng Phong; Xây dựng trường Đại học Thủ đô; Hệ thống thu gom nước thải (lưu vực S1) về Nhà máy xử lý nước thải Yên Sở; Dự án xây dựng hệ thống thoát nước mưa lưu vực tả sông Nhuệ; Dự án xây dựng thoát nước quận Hà Đông thuộc lưu vực Hữu Nhuệ; Cầu Tứ Liên và đường từ cầu Tứ Liên đến cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên (sử dụng nguồn NSTP+ PPP); Đầu tư xây dựng cầu Vân Phúc qua sông Hồng và tuyến đường nối ra Quốc lộ 32 huyện Phúc Thọ; Cải tạo, nâng cấp đường 70: đoạn Hà Đông - Văn Điển; Cầu Trần Hưng Đạo (sử dụng nguồn NSTP+ PPP).

xếp thứ tự ưu tiên đối với các dự án mới, trong đó ưu tiên nguồn lực để phát triển hạ tầng giao thông nhằm phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô và các dự án lớn, quan trọng khác; Trường hợp dự án có vướng mắc kéo dài, không có khả năng thực hiện trong giai đoạn 2021-2025 thì xem xét giãn tiến độ thực hiện, bố trí kế hoạch vốn sang giai đoạn sau. Trên cơ sở đó, xác định lại cơ cấu ngành, lĩnh vực để thực hiện điều chỉnh nguồn vốn, kế hoạch đầu tư công của Thành phố phù hợp và cập nhật phương án sử dụng nguồn vốn bổ sung của Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 đảm bảo phù hợp với tiến độ, nhu cầu vốn của từng dự án.

Đồng thời, để đảm bảo Kế đầu tư công trung hạn của Thành phố phù hợp với Kế hoạch tài chính 05 năm 2021-2025, UBND Thành phố đề xuất cho phép điều chỉnh tổng mức dư nợ vay của Thành phố trong Kế hoạch tài chính 05 năm 2021-2025 tương ứng với phần vốn huy động để bổ sung cho Kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp Thành phố.

4. Nội dung cập nhật, bổ sung

(1) Để triển khai các bước tiếp theo của dự án, UBND Thành phố kính trình HĐND Thành phố thông qua phương án xác định kế hoạch đầu tư công trung hạn cho 17 dự án sử dụng ngân sách Thành phố được HĐND Thành phố phê duyệt/ điều chỉnh chủ trương đầu tư tại kỳ họp HĐND Thành phố tháng 9/2022 là 5.115,1 tỷ đồng. Lũy kế phương án cập nhật, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 đến nay, xác định kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn cho 39 dự án được HĐND Thành phố phê duyệt chủ trương đầu tư là 7.668,2 tỷ đồng.

(2) Tại Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021, Kế hoạch đầu tư công trung hạn “*Bổ sung cho các quỹ và vốn ủy thác ngân hàng chính sách xã hội cho vay giải quyết việc làm*” là 2.000 tỷ đồng và “*Đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp, đầu tư trở lại từ tiền nhà, đất và hỗ trợ các dự án xã hội hóa, thoái trả tiền nhà đất*” là 750 tỷ đồng. Đến nay, tổng kế hoạch vốn năm 2021, 2022 đã bố trí cho 02 nhiệm vụ là 2.100 tỷ đồng và hiện có nhu cầu bổ sung 500 tỷ đồng cho các quỹ, vốn ủy thác ngân hàng chính sách xã hội tại kỳ họp HĐND Thành phố này. Nhu cầu vốn bổ sung cho các quỹ, ủy thác qua ngân hàng chính sách lớn hơn so với kế hoạch đã cân đối cho nhiệm vụ trong khi nhu cầu đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp, đầu tư trở lại từ tiền nhà, đất và hỗ trợ các dự án xã hội hóa, thoái trả tiền nhà đất không nhiều. Do vậy, để linh hoạt trong điều hành kế hoạch trung hạn và hàng năm, UBND Thành phố đề xuất cho phép hòa 02 nhiệm vụ chi thành 01 nhiệm vụ chung “*Bổ sung vốn cho các quỹ và vốn ủy thác ngân hàng chính sách xã hội cho vay giải quyết việc làm và đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp, đầu tư trở lại từ tiền nhà, đất, hỗ trợ các dự án xã hội hóa, thoái trả tiền nhà đất*” với mức vốn trung hạn bố trí là 2.750 tỷ đồng và không làm thay đổi tổng nguồn của Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025.

Đồng thời, UBND Thành phố rà soát và đề xuất cập nhật lại kế hoạch vốn trung hạn bổ sung cho dự án Xây dựng nhà học đa năng và nhà xưởng thực hành Trường cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội là 3 tỷ đồng (*giảm 7,9 tỷ đồng so với phương án đã báo cáo*) để đảm bảo cơ cấu nguồn vốn thực hiện dự án đã được HĐND Thành phố quyết nghị tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 08/4/2022. Các nội dung cập nhật, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn khác đã báo cáo HĐND Thành phố tại Báo cáo số 312/BC-UBND ngày 30/8/2022 không thay đổi.

(Chi tiết cập nhật tại Phụ lục 8 kèm theo)

Trên đây là báo cáo tiếp thu, làm rõ, bổ sung của UBND Thành phố về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2022; Cập nhật, điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021 - 2025 và Định hướng Kế hoạch đầu tư công năm 2023 ngân sách Thành phố. Kính báo cáo HĐND Thành phố xem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND TP;
- Văn phòng Thành ủy;
- Các Sở: KHĐT, TC;
- VPUB: CVP, các PCVP, TH, các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT, KTTH_{Thái}.

(để báo cáo)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hà Minh Hải

Phụ lục 1
KẾT QUẢ GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI
(Kèm theo Báo cáo số 328/BC-UBND ngày 11/9/2022 của UBND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2022 (sau điều chỉnh T7)	Kết quả giải ngân đến ngày 09/9/2022		Ghi chú
			Số giải ngân	Tỷ lệ đạt so với KH	
1	2	3	4	5=4/3	6
	TỔNG CỘNG	51.582.952	15.334.863	30,0%	<i>Tỷ lệ giải ngân không tính Chi trả nợ lãi, phí các khoản vay</i>
I	BỔ TRÍ VỐN THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG CẤP THÀNH PHỐ	21.818.799	5.125.457	23,5%	
I	BỔ TRÍ VỐN THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG	19.080.699	4.192.277	22,0%	
1.1	Bổ trí vốn thu hồi ứng trước, vốn thanh quyết toán, quy hoạch, chuẩn bị đầu tư...	3.428.098	733.782	21,4%	
-	Bổ trí thu hồi các khoản ứng trước NSTW hỗ trợ có mục tiêu	395.124	395.124	100,0%	
-	Vốn thanh quyết toán các dự án hoàn thành	100.000	52.665	52,7%	
-	Bổ trí vốn thực hiện các nhiệm vụ quy hoạch	200.000	422	0,2%	
-	Bổ trí vốn bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	1.682.974	281.851	16,7%	
-	Bổ trí vốn chuẩn bị đầu tư cho các dự án XDCB tập trung TP	50.000	3.720	7,4%	
-	Vốn GPMB, xây dựng hạ tầng khu đấu giá đất cấp TP	1.000.000	0	0,0%	
-	Dự phòng	0	0		
1.2	Vốn phân bổ thực hiện các chương trình, dự án đầu tư XDCB	15.652.601	3.458.495	22,1%	
1.2.1	<i>Vốn XCDB tập trung cấp Thành phố</i>	<i>15.305.201</i>	<i>3.340.598</i>	<i>21,8%</i>	
	<i>Trong đó:</i>				
	<i>- Vốn trong nước</i>	<i>10.147.300</i>			
	<i>- ODA cấp phát</i>	<i>3.802.501</i>	<i>551.403</i>	<i>14,5%</i>	
	<i>- ODA vay lại</i>	<i>1.355.400</i>	<i>345.435</i>	<i>25,5%</i>	
1.2.2	<i>Vốn hỗ trợ doanh nghiệp</i>	<i>15.000</i>	<i>477</i>	<i>3,2%</i>	
1.2.3	<i>Bổ trí vốn thực hiện các dự án theo cơ chế đặc thù từ đất</i>	<i>332.400</i>	<i>117.420</i>	<i>35,3%</i>	
2	BỔ TRÍ VỐN CHO CÁC QUỸ, CÁC KHOẢN CHI ĐẦU TƯ KHÁC	2.738.100	933.180	34,1%	
2.1	Hoàn trả cho Quỹ đầu tư phát triển Thành phố ứng vốn	522.100			
2.2	Ghi thu, ghi chi nguồn tiền sử dụng đất đối ứng cho các dự án BT	770.000			
2.3	Bổ sung cho các quỹ và vốn ủy thác Ngân hàng chính sách xã hội cho vay giải quyết việc làm và Đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp, đầu tư trở lại từ tiền nhà, đất và hỗ trợ các dự án xã hội hóa, thoái trả tiền nhà đất	1.000.000	933.180	93,3%	
2.4	Hỗ trợ địa phương bạn, hỗ trợ ngành dọc	446.000		0,0%	
II	BỔ TRÍ VỐN THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG CẤP HUYỆN	29.254.153	10.209.406	34,9%	
III	CHI TRẢ NỢ LÃI, PHÍ CÁC KHOẢN VAY	510.000			



Phụ lục 2

TỔNG HỢP GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ DỰ ÁN XDCB CẤP THÀNH PHỐ NĂM 2022 THEO ĐẦU MỐI GIAO KẾ HOẠCH ĐẾN HẾT NGÀY 09/9/2022 (CẢ NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ VÀ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN)

(Kèm theo Báo cáo số 328 /BC-UBND ngày 11/9/2022 của UBND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Đầu mối giao	Kế hoạch năm 2021 kéo dài									Kế hoạch vốn năm 2022								
		Kế hoạch vốn			Kết quả giải ngân đến 09/9/2022			Tỷ lệ giải ngân (%)			Kế hoạch vốn			Kết quả giải ngân đến 09/9/2022			Tỷ lệ giải ngân (%)		
		Tổng số	NSTP	NS cấp huyện	Tổng số	NSTP	NS cấp huyện	Tổng số	NSTP	NS cấp huyện	Tổng số	NSTP	NS cấp huyện	Tổng số	NSTP	NS cấp huyện	Tổng số	NSTP	NS cấp huyện
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	TỔNG CỘNG	2.822.519	1.247.142	1.575.377	780.990	225.033	555.957	27,7%	18,0%	35,3%	44.052.218	16.620.715	27.431.503	14.263.663	4.054.257	10.209.406	32,4%	24,4%	37,2%
I	Các Ban QLDA chuyên ngành	249.457	249.457	0	60.573	60.573	0	24,3%	24,3%		10.589.285	10.589.285	0	3.105.144	3.105.144	0	29,3%	29,3%	
1	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông TPHN	63.313	63.313		30.997	30.997		49,0%	49,0%		1.919.259	1.919.259		879.311	879.311		45,8%	45,8%	
2	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng TPHN	79.575	79.575		16.978	16.978		21,3%	21,3%		2.131.861	2.131.861		943.073	943.073		44,2%	44,2%	
3	Ban QLDA hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp TPHN	106.569	106.569		12.598	12.598		11,8%	11,8%		3.143.172	3.143.172		654.242	654.242		20,8%	20,8%	
4	Ban Quản lý đường sắt đô thị Hà Nội	0			0						3.394.993	3.394.993		628.518	628.518		18,5%	18,5%	
II	Các sở, ngành	229.846	229.846	0	62.489	62.489	0	27,2%	27,2%		1.959.023	1.959.023	0	267.226	267.226	0	13,6%	13,6%	
1	Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội	0			0						170.000	170.000		48.385	48.385		28,5%	28,5%	
2	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	8.440	8.440		0				0,0%		2.200	2.200		459	459		20,9%	20,9%	
3	Sở Nông nghiệp và PTNT	194.783	194.783		62.292	62.292		32,0%	32,0%		1.360.523	1.360.523		217.539	217.539		16,0%	16,0%	
4	Bảo tàng Hà Nội	0			0						60.000	60.000		367	367		0,6%	0,6%	
5	Sở Tài nguyên và Môi trường	3.996	3.996		0			0,0%	0,0%		100.000	100.000		476	476		0,5%	0,5%	
6	Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội	7.933	7.933		0			0,0%	0,0%		88.000	88.000		0	0		0,0%	0,0%	
7	Đài Phát thanh - Truyền hình Hà Nội	11.774	11.774		0			0,0%	0,0%		28.500	28.500		0	0		0,0%	0,0%	
8	Cục hậu cần Bộ Công An	0			0						100.000	100.000		0	0		0,0%	0,0%	
9	Công an thành phố Hà Nội	0			0						49.800	49.800		0	0		0,0%	0,0%	
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	2.920	2.920		197	197			6,7%										
III	UBND quận, huyện, thị xã	2.343.216	767.839	1.575.377	657.928	101.971	555.957	28,1%	13,3%	35,3%	31.503.910	4.072.407	27.431.503	10.891.293	681.887	10.209.406	34,6%	16,7%	37,2%
1	UBND quận Long Biên	15	15		0			0,0%			728.747		728.747	707.674		707.674	97,1%		97,1%
2	UBND quận Ba Đình	0			0						249.388	45.000	204.388	216.657	12.269	204.388	86,9%	27,3%	100,0%
3	UBND quận Tây Hồ	7.185		7.185	1.919		1.919	26,7%		26,7%	369.288		369.288	304.172		304.172	82,4%		82,4%
4	UBND quận Đống Đa	488		488	211		211	43,2%		43,2%	354.352	75.000	279.352	276.557	37.074	239.483	78,0%	49,4%	85,7%
5	UBND quận Hoàn Kiếm	0			0						173.435		173.435	110.647		110.647	63,8%		63,8%
6	UBND quận Thanh Xuân	2.163	2163		799	799		36,9%			283.374	477	282.897	154.738		154.738	54,6%		54,7%
7	UBND huyện Đan Phượng	0			0						829.204	41.200	788.004	411.912	24.091	387.821	49,7%	58,5%	49,2%

STT	Đầu mối giao	Kế hoạch năm 2021 kéo dài									Kế hoạch vốn năm 2022								
		Kế hoạch vốn			Kết quả giải ngân đến 09/9/2022			Tỷ lệ giải ngân (%)			Kế hoạch vốn			Kết quả giải ngân đến 09/9/2022			Tỷ lệ giải ngân (%)		
		Tổng số	NSTP	NS cấp huyện	Tổng số	NSTP	NS cấp huyện	Tổng số	NSTP	NS cấp huyện	Tổng số	NSTP	NS cấp huyện	Tổng số	NSTP	NS cấp huyện	Tổng số	NSTP	NS cấp huyện
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
8	UBND huyện Mê Linh	52.101	1537	50.564	12.924	420	12.504	24,8%	27,3%	24,7%	990.003	317.800	672.203	464.867	19.558	445.309	47,0%	6,2%	66,2%
9	UBND huyện Mỹ Đức	237.867	118156	119.711	55.634	7.392	48.242	23,4%	6,26%	40,3%	903.821	102.801	801.020	394.244	692	393.552	43,6%	0,67%	49,1%
10	UBND quận Hà Đông	0			0						629.664	1.800	627.864	249.057		249.057	39,6%	0,0%	39,7%
11	UBND huyện Thanh Oai	72.122	37980	34.142	34.552	6.970	27.582	47,9%	18,4%	80,8%	1.366.279	495.000	871.279	518.920	5.480	513.440	38,0%	1,1%	58,9%
12	UBND huyện Ba Vì	252.687	11115	241.572	125.738	9.082	116.656	49,8%	81,7%	48,3%	2.370.876	321.243	2.049.633	878.081	24.566	853.515	37,0%	7,6%	41,6%
13	UBND huyện Quốc Oai	166.521	45351	121.170	52.702	25.275	27.427	31,6%	55,7%	22,6%	968.986	70.000	898.986	335.239	4.427	330.812	34,6%	6,3%	36,8%
14	UBND huyện Đông Anh	20.389	810	19.579	3.770		3.770	18,5%	0,0%	19,3%	2.841.812	40.000	2.801.812	968.729	15.532	953.197	34,1%	38,8%	34,0%
15	UBND huyện Thanh Trì	11.768		11.768	2.043		2.043	17,4%		17,4%	1.156.527	202.400	954.127	391.717	56.411	335.306	33,9%	27,9%	35,1%
16	UBND huyện Sóc Sơn	69.594	59811	9.783	3.735	3.399	336	5,4%	5,7%	3,4%	1.243.539	69.300	1.174.239	408.328	2.058	406.270	32,8%	3,0%	34,6%
17	UBND huyện Phú Xuyên	27.596	13850	13.746	7.412		7.412	26,9%	0,0%	53,9%	1.785.190	157.000	1.628.190	567.546	23.770	543.776	31,8%	15,1%	33,4%
18	UBND huyện Gia Lâm	134.566	121701	12.865	20.909	17.279	3.630	15,5%	14,2%	28,2%	1.545.470	193.831	1.351.639	475.640	77.342	398.298	30,8%	39,9%	29,5%
19	UBND quận Hai Bà Trưng	0			0						235.706		235.706	71.091		71.091	30,2%		30,2%
20	UBND huyện Thạch Thất	142.622	18823	123.799	68.714	5.780	62.934	48,2%	30,7%	50,8%	907.428	37.000	870.428	251.267	9.863	241.404	27,7%	26,7%	27,7%
21	UBND huyện Chương Mỹ	149.698	8098	141.600	59.578	2.014	57.564	39,8%	24,9%	40,7%	1.216.880	62.000	1.154.880	323.495	4.893	318.602	26,6%	7,9%	27,6%
22	UBND quận Bắc Từ Liêm	20.000	20000		0			0,0%	0,0%		1.133.112	322.000	811.112	297.047	95.171	201.876	26,2%	29,6%	24,9%
23	UBND quận Hoàng Mai	100.000		100.000	0			0,0%		0,0%	745.072	3.000	742.072	189.147	3.000	186.147	25,4%	100,0%	25,1%
24	UBND quận Nam Từ Liêm	0			0						510.653	67.500	443.153	126.748	15.220	111.528	24,8%	22,5%	25,2%
25	UBND quận Cầu Giấy	51.700	51700		0			0,0%	0,0%		717.379	245.300	472.079	177.407	88.200	89.207	24,7%	36,0%	18,9%
26	UBND huyện Thường Tín	231.227	35237	195.990	67.221	13.416	53.805	29,1%	38,1%	27,5%	955.175	52.816	902.359	231.665	6.839	224.826	24,3%	12,9%	24,9%
27	UBND huyện Hoài Đức	167.580	62355	105.225	39.655	389	39.266	23,7%	0,6%	37,3%	2.257.439	430.000	1.827.439	544.573	83.781	460.792	24,1%	19,5%	25,2%
28	UBND thị xã Sơn Tây	78.970	43650	35.320	14.690	7.700	6.990	18,6%	17,6%	19,8%	1.049.761	294.900	754.861	249.003	69.313	179.690	23,7%	23,5%	23,8%
29	UBND huyện Phúc Thọ	137.573	1707	135.866	46.625	161	46.464	33,9%	9,4%	34,2%	733.094	16.039	717.055	162.473	2.337	160.136	22,2%	14,6%	22,3%
30	UBND huyện Ứng Hòa	208.784	113780	95.004	39.097	1.895	37.202	18,7%	1,7%	39,2%	2.252.256	409.000	1.843.256	432.652	0	432.652	19,2%	0,0%	23,5%



Phụ lục 3
CẬP NHẬT ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2021-2025 VÀ NĂM 2022
BỔ SUNG CHO MỘT SỐ DỰ ÁN XÂY DỰNG CƠ BẢN CẤP THÀNH PHỐ

(Kèm theo Báo cáo số 328 /BC-UBND ngày 11/9/2022 của UBND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 05 năm 2021-2025 đã được phê duyệt/Cập nhật	Kế hoạch vốn năm 2022 đã giao	Giải ngân KHV 2022 đến hết ngày 31/8/2022	Phương án điều chỉnh KHV năm 2022 (đã trình tại Báo cáo 314/BC-UBND)	Phương án điều chỉnh KHV năm 2022 (so với PA đã trình tại Báo cáo 314/BC-UBND)	Điều chỉnh tăng/ giảm kế hoạch vốn năm 2022	Kế hoạch vốn năm 2022 sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	CT HT 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, tháng	Tổng mức đầu tư											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
A	CÁC DỰ ÁN XDCB CẤP THÀNH PHỐ	6				10.114.874	2.911.000	1.119.500	503	-520.000	83.500	-436.500	683.000	2.911.000			
	<i>Tổng điều chỉnh giảm</i>	6				10.114.874	2.911.000	1.119.500	503	-520.000	83.500	-436.500	683.000	2.911.000			
I	Lĩnh vực văn hóa thông tin	2				998.583	570.000	148.000	268		-118.000	-118.000	30.000	570.000			
a	<i>Điều chỉnh giảm</i>	2				998.583	570.000	148.000	268		-118.000	-118.000	30.000	570.000			
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	2				998.583	570.000	148.000	268		-118.000	-118.000	30.000	570.000			
1	Công trình trọng điểm 2016-2020: Chính trang mặt bằng do Bộ Quốc phòng và hai hộ gia đình lão thành cách mạng bàn giao thuộc di tích Hoàng Thành Thăng Long	1	Ba Đình	2015-2021	5079/QĐ-UBND 02/10/2014 ; 6069/QĐ-UBND 31/10/2019	226.599	170.000	88.000			-68.000	-68.000	20.000	170.000		Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội	Giám đo không thực hiện được GPMB và đang thực hiện điều chỉnh dự án, điều chỉnh thiết kế hạng mục Bảo tồn trùng tu tòa nhà Vaxuco
2	Công trình trọng điểm 2016-2020: Bảo tàng Hà Nội (Nội dung trưng bày)	1	Nam Từ Liêm	2016-2021 (quyết toán năm 2022)	1424/QĐ-UBND 21/4/2008; 5099/QĐ-UBND 07/11/2012; 1207/QĐ-UBND 25/3/2020; 4135/QĐ-UBND 16/9/2020	771.984	400.000	60.000	268		-50.000	-50.000	10.000	400.000		Bảo tàng Hà Nội	Dự án kéo dài thời gian thực hiện do điều chỉnh dự án nhiều lần (như thay đổi chủ đầu tư, thiết kế, ...) và đang điều chỉnh thời gian thực hiện dự án
II	Lĩnh vực phát thanh truyền hình	2				139.674	41.000	28.500			-28.500	-28.500		41.000			
a	<i>Điều chỉnh giảm</i>	2				139.674	41.000	28.500			-28.500	-28.500		41.000			
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	1				98.554	20.000	20.000			-20.000	-20.000		20.000			
1	Chuyển đổi công nghệ phát thanh Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội giai đoạn 2016-2020	1	Nam Từ Liêm	2019-2021	2606/QĐ-UBND 17/5/2019; 685/QĐ-UBND 8/2/2021	98.554	20.000	20.000			-20.000	-20.000		20.000		Đài Phát thanh - Truyền hình Hà Nội	Đang điều chỉnh dự án
*	<i>Dự án mới năm 2021</i>	1				41.120	21.000	8.500			-8.500	-8.500		21.000			
1	Cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất tại Trung tâm Truyền dẫn phát sóng Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội tại đường Sa Đới phường Phú Đô quận Nam Từ Liêm phục vụ bàn giao Trụ sở 32 Tô Hiệu, Hà Đông cho Bảo Nhân dân.	1	Nam Từ Liêm	2019-2023	1730/QĐ-UBND 27/4/2020; 909/QĐ-UBND 15/3/2022	41.120	21.000	8.500			-8.500	-8.500		21.000		Đài Phát thanh - Truyền hình Hà Nội	Đang điều chỉnh dự án
III	Lĩnh vực thủy lợi	2				8.976.617	2.300.000	943.000	235	-520.000	230.000	-290.000	653.000	2.300.000			
a	<i>Điều chỉnh giảm</i>	2				8.976.617	2.300.000	943.000	235	-520.000	230.000	-290.000	653.000	2.300.000			

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 05 năm 2021-2025 đã được phê duyệt/Cập nhật	Kế hoạch vốn năm 2022 đã giao	Giải ngân KHV 2022 đến hết ngày 31/8/2022	Phương án điều chỉnh KHV năm 2022 (đã trình tại Báo cáo 314/BC-UBND)	Phương án điều chỉnh KHV năm 2022 (so với PA đã trình tại Báo cáo 314/BC-UBND)	Điều chỉnh tăng/giảm kế hoạch vốn năm 2022	Kế hoạch vốn năm 2022 sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	CT HT 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, tháng	Tổng mức đầu tư											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
*	Dự án chuyển tiếp	2				8.976.617	2.300.000	943.000	235	-520.000	230.000	-290.000	653.000	2.300.000			
1	Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía Tây thành phố Hà Nội (trạm bơm tiêu Yên Nghĩa)	1	Hà Đông	2013-2022	1834/QĐ-UBND 23/02/2013; 743/QĐ-UBND 13/02/2019; 2548/QĐ-UBND 10/6/2021	4.722.852	1.600.000	543.000	213	-320.000	70.000	-250.000	293.000	1.600.000		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
2	Công trình trọng điểm 2016-2020: Tiếp nước cải tạo khôi phục sông Tích từ Lương Phú xã Thuận Mỹ, huyện Ba Vì	1	Ba Vì	2011-2022	4927/QĐ-UBND 06/10/2010; 1054/QĐ-UBND 04/3/2016; 1431/QĐ-UBND 27/4/2022	4.253.765	700.000	400.000	22	-200.000	160.000	-40.000	360.000	700.000		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
B	HỖ TRỢ NGÀNG DỤC	1				41.450	37.970				36.870	36.870	36.870	37.970	1		
I	Lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội	1				41.450	37.970				36.870	36.870	36.870	37.970	1		
a	Điều chỉnh giảm																
b	Điều chỉnh tăng	I				41.450	37.970				36.870	36.870	36.870	37.970	I		
1	Xây dựng tượng đài "Công an nhân dân vì dân phục vụ"	1	Hai Bà Trưng	2022	4969A/QĐ-BCA-H01 04/7/2022 (CTĐT); 5111A/QĐ-BCA-H02 08/7/2022	41.450	37.970				36.870	36.870	36.870	37.970	1	Cục Công tác Đảng và công tác chính trị - X03 (Bộ Công an)	



Phụ lục 4

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN CÁC DỰ ÁN GHI THU, GHI CHI NGUỒN TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN BT NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 328 /BC-UBND ngày 11 /9/2022 của UBND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án BT	Số DA	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Giá trị HD, PLHD BT	Giá trị HD, đề nghị thẩm tra hoặc Giá trị phê duyệt QT	Dự án đối ứng		Tổng lũy kế GTGC hết 2021	Kế hoạch năm 2022	Điều chỉnh Kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2022 sau điều chỉnh
							Nghĩa vụ tài chính tương ứng các lần giao đất	Số tiền sử dụng đất đã nộp ngân sách (chênh lệch)				
	TỔNG SỐ	3			2.759.699	2.759.699	3.299.649	1.690.347	1.223.000	770.000	-770.000	0
1	Đường liên tỉnh Hà Nội - Hưng Yên đoạn trên địa bàn thành phố Hà Nội	1	Công ty CP Đầu tư và xây dựng Thành Nam (COTANA)	7/2009 -8/2014	400.945	400.945			0	400.000	-400.000	0
2	Tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ qua sông Nhuệ đến Khu đô thị mới Xuân Phương (kéo dài đến đường 70)	1	CTCP TASCO	2008-2010 (48 tháng)	1.543.600	1.543.600	784.958		784.000	174.000	-174.000	0
3	Khu công viên và hồ điều hòa tại phía Bắc nghĩa trang Mai Dịch, quận Cầu Giấy	1	CTCP BĐS Hồng Ngân (nay là CT CP ĐT và PT Đô thị Sài Đồng)	Quý 3/2015- Quý 2/2017	815.154	815.154	2.514.691	1.690.347	439.000	196.000	-196.000	0





Phụ lục 5
BIỂU ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HỖ TRỢ CHO CÁC HUYỆN, THỊ XÃ NĂM 2022;
CẬP NHẬT KẾ HOẠCH TRUNG HẠN 5 NĂM 2021-2025

(Kèm theo Báo cáo số *328* /BC-UBND ngày *14* /9/2022 của UBND Thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			NSTP đã bố trí và dự kiến hỗ trợ trong KH trung hạn 2021-2025	KH2022 đã giao	Điều chỉnh KH vốn 2022	Kế hoạch vốn năm 2022 sau điều chỉnh	Cập nhật KH trung hạn 2021-2025 NSTP hỗ trợ	HT năm 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày tháng	TMDT	Giá trị XL + TB								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG CỘNG	13			449.246	365.715	310.700	126.400	-18.300	108.100	275.500			
	<i>Điều chỉnh giảm</i>	6			235.029	185.457	149.400	126.400	-69.800	56.600	112.400			
	<i>Điều chỉnh tăng</i>	7			214.217	180.258	161.300		51.500	51.500	163.100			
A	Kế hoạch 03 lĩnh vực: giáo dục, y tế, di tích	10			306.849	252.445	233.300	49.000	18.700	67.700	235.100			
I	Xây dựng trường học đạt chuẩn	3			92.632	72.187	72.000	49.000	-32.800	16.200	72.000			
I.1	<i>Điều chỉnh giảm</i>	3			92.632	72.187	72.000	49.000	-32.800	16.200	72.000			
1	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Tô Hiệu	1	2020-2022	3213/QĐ-UBND 25/8/2021	46.716	34.394	34.300	11.300	-10.800	500	34.300		UBND huyện Thường Tín	Vương GPMB
2	Trường mầm non Hoà Bình	1	2021-2023	3854/QĐ-UBND 20/10/2021; 4542/QĐ-UBND 25/11/2021	31.853	25.967	25.900	25.900	-18.000	7.900	25.900		UBND huyện Thường Tín	
3	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Hòa Bình	1	2021-2023	4409/QĐ-UBND 19/11/2021	14.063	11.826	11.800	11.800	-4.000	7.800	11.800		UBND huyện Thường Tín	
II	Hỗ trợ nâng cấp y tế cơ sở	3			26.678	22.205	20.300		8.000	8.000	22.100			
II.2	<i>Dự án điều chỉnh tăng</i>	3			26.678	22.205	20.300		8.000	8.000	22.100			
1	Cải tạo, nâng cấp trạm y tế xã Tam Đồng, huyện Mê Linh	1	2022-2024	3751/QĐ-UBND 31/8/2022	9.869	8.246	7.200		2.500	2.500	8.200		UBND huyện Mê Linh	
2	Cải tạo, nâng cấp trạm y tế xã Kim Hoa, huyện Mê Linh	1	2022-2024	3752/QĐ-UBND 31/8/2022	9.609	7.993	7.000		2.500	2.500	7.900		UBND huyện Mê Linh	
3	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm y tế huyện Phú Xuyên	1	2022-2024	3394/QĐ-UBND 03/8/2022	7.200	5.966	6.100		3.000	3.000	6.000		UBND huyện Phú Xuyên	

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			NSTP đã bố trí và dự kiến hỗ trợ trong KH trung hạn 2021-2025	KH2022 đã giao	Điều chỉnh KH vốn 2022	Kế hoạch vốn năm 2022 sau điều chỉnh	Cập nhật KH trung hạn 2021-2025 NSTP hỗ trợ	HT năm 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày tháng	TMĐT	Giá trị XL + TB								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
III	Hỗ trợ bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử	4			187.539	158.053	141.000		43.500	43.500	141.000			
III.1	Điều chỉnh giảm													
III.2	Dự án điều chỉnh tăng	4			187.539	158.053	141.000		43.500	43.500	141.000			
1	Tu bổ, tôn tạo đình Bạch Trữ, xã Tiến Thắng, huyện Mê Linh	1	2022-2024	3753/QĐ-UBND 31/8/2022	58.200	47.752	45.000		13.000	13.000	45.000		UBND huyện Mê Linh	
2	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Bồng Mạc, xã Liên Mạc, huyện Mê Linh	1	2022-2025	3754/QĐ-UBND 31/8/2022	52.339	47.714	35.000		12.000	12.000	35.000		UBND huyện Mê Linh	
3	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Bảo Lâm, xã Tiến Thịnh, huyện Mê Linh	1	2022-2025	3557/QĐ-UBND 31/8/2022	58.500	47.844	47.000		14.000	14.000	47.000		UBND huyện Mê Linh	
4	Tu bổ, tôn tạo đình Diên Tảo, xã Tiến Thắng, huyện Mê Linh	1	2022-2024	3755/QĐ-UBND 31/8/2022	18.500	14.743	14.000		4.500	4.500	14.000		UBND huyện Mê Linh	
B	Các dự án phục vụ dân sinh, phát triển hạ tầng kinh tế xã hội địa bàn khó khăn	3			142.397	113.270	77.400	77.400	-37.000	40.400	40.400			
I	Hỗ trợ xây dựng hạ tầng kinh tế	3			142.397	113.270	77.400	77.400	-37.000	40.400	40.400			
I.1	Dự án điều chỉnh giảm	3			142.397	113.270	77.400	77.400	-37.000	40.400	40.400			
1	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Tự Nhiên (đoạn từ ngã ba chợ đến đường liên xã Hồng Vân - Tự Nhiên - Chương Dương)	1	2021-2024	3946/QĐ-UBND 29/10/2021	58.631	48.798	29.000	29.000	-10.000	19.000	19.000		UBND huyện Thường Tín	
2	Đường liên xã Tân Minh - Tiền Phong	1	2021-2024	4355/QĐ-UBND 15/11/2021	48.766	36.730	20.700	20.700	-10.000	10.700	10.700		UBND huyện Thường Tín	Vướng mắc GPMB
3	Đường trục xã Hòa Bình (đoạn từ đường liên xã Hòa Bình - Nhị Khê đi TL 427)	1	2021-2023	3863/QĐ-UBND 21/10/2021; 4541/QĐ-UBND 25/11/2021	35.000	27.742	27.700	27.700	-17.000	10.700	10.700		UBND huyện Thường Tín	Vướng mắc GPMB



Phụ lục 6
BIỂU TỔNG HỢP KINH PHÍ NGÂN SÁCH CÁC QUẬN HỖ TRỢ CÁC HUYỆN NĂM 2022
(Kèm theo Báo cáo số *328* /BC-UBND ngày *11* /9/2022 của UBND Thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Các quận hỗ trợ	Kinh phí các quận đề xuất hỗ trợ năm 2022	Nguồn vốn hỗ trợ (có ý kiến của Sở Tài chính)	Huyện/Thị xã nhận hỗ trợ	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	NS quận hỗ trợ huyện năm 2022		Ghi chú
								Số DA	Kinh phí	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Tổng số	9.500					11.126	3	9.500	
	Lĩnh vực giáo dục							1	3.000	
	Lĩnh vực văn hóa							2	6.500	
I	UBND quận Hai Bà Trưng (1345/UBND-TCKH ngày 05/9/2022 của UBND quận Hai Bà Trưng gửi Sở Tài chính)	9.500	Nguồn tiền sử dụng đất (4930/STC-NSCHX ngày 06/9/2022)	UBND thị xã Sơn Tây	Cải tạo, sửa chữa 08 nhà văn hóa xã Đường Lâm, thị xã Sơn Tây	452/QĐ-UBND ngày 16/5/2022	4.126	1	2.500	
				UBND huyện Mỹ Đức	Mua sắm trang thiết bị giáo dục trường Tiểu học Độc Tín, huyện Mỹ Đức	2591/QĐ-UBND ngày 17/6/2022	3.000	1	3.000	
				UBND huyện Ba Vì	Xây dựng hạ tầng các khu thể thao ngoài trời, kết hợp lắp đặt thiết bị đồ chơi trẻ em xã Tân Hồng, huyện Ba Vì	5456/QĐ-UBND ngày 08/6/2022	4.000	1	4.000	

Phụ lục 7

CẬP NHẬT, XÁC ĐỊNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 05 NĂM 2021-2025 CHO DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 4 - VÙNG THỦ ĐÔ

(Kèm theo Báo cáo số 328 /BC-UBND ngày 11 /09/2022 của UBND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế	Chủ trương/Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2021-2025	Trong đó		CTHT 2022-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Ngân sách Thành phố	Ngân sách Trung ương			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Công trình trọng điểm 2021-2025					85.813.000						
	Vành đai 4: Đầu tư xây dựng đường vành đai 4 - Vùng Thủ đô (dự án nhóm A)											
1	Nhóm dự án thành phần giao UBND Thành phố Hà Nội là cơ quan chủ quản					75.294.000	27.877.000	19.477.000	8.400.000	1		HĐND Thành phố thống nhất mức vốn trung hạn ngân sách Thành phố tại Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 20/5/2022
1.1	Dự án thành phần 1.1: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (bao gồm hệ thống đường cao tốc, đường song hành (đường đô thị), hạ tầng kỹ thuật và hành lang dự trữ đường sắt quốc gia) thuộc địa phận thành phố Hà Nội	Sóc Sơn, Mê Linh, Đan Phượng, Hoài Đức, Hà Đông, Thanh Oai, Thường Tín	2022-2024	Phạm vi GPMB (90-120-135)m	56/2022/QH15 ngày 16/6/2022	13.370.000	13.370.000	9.360.000	4.010.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông Thành phố	Dự án gồm: NSTP 9.360 tỷ đồng; NSTW 4.010 tỷ đồng theo Nghị quyết số 56/2022/QH15 ngày 16/6/2022.
1.2	Dự án thành phần 2.1: Xây dựng đường song hành (đường đô thị) địa phận thành phố Hà Nội	Sóc Sơn, Mê Linh, Đan Phượng, Hoài Đức, Hà Đông, Thanh Oai, Thường Tín	2022-2027	L=58,2Km; B=12m		5.388.000	4.847.000	4.847.000			Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông Thành phố	Dự án gồm: NSTP 5.388 tỷ đồng theo Nghị quyết số 56/2022/QH15 ngày 16/6/2022.
1.3	Dự án thành phần 3: Đầu tư xây dựng đường cao tốc theo hình thức đối tác công tư	Sóc Sơn, Mê Linh, Đan Phượng, Hoài Đức, Hà Đông, Thanh Oai, Thường Tín; tỉnh Hưng Yên, tỉnh Bắc Ninh	2022-2027	L=112,8Km; B=(17-17,5)m		56.536.000	9.660.000	5.270.000	4.390.000			- Dự án gồm: NSTP 8.776 tỷ đồng; NSTW 18.313 tỷ đồng và vốn nhà đầu tư là 29.447 tỷ đồng theo Nghị quyết số 56/2022/QH15 ngày 16/6/2022.; - Nhà đầu tư được lựa chọn theo phương thức đối tác công tư
2	Nhóm dự án thành phần giao các tỉnh Hưng Yên, Bắc Ninh là cơ quan chủ quản		2022-2027			10.519.000						



Phụ lục 8

**CẬP NHẬT XÁC ĐỊNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2021-20225 NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ
CHO CÁC DỰ ÁN XÂY DỰNG CƠ BẢN CẤP THÀNH PHỐ**(Kèm theo Báo cáo số 828 /BC-UBND ngày 11 /9 /2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Chủ trương/Quyết định		Kế hoạch trung hạn 5 năm 2021-2025 đã được phê duyệt	Điều chỉnh và xác định kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025		Kế hoạch trung hạn 5 năm 2021-2025 sau điều chỉnh	CTHT 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Điều chỉnh KHV	Xác định kế hoạch trung hạn				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG CỘNG	58				15.115.975	1.035.000	427.600	7.668.200	9.130.800	45		
A	Bổ sung danh mục và kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 cho các dự án được bổ sung kế hoạch vốn năm 2022	8				548.449		76.400		76.400	8		
A.1	Dự án chuyển tiếp chưa có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn	7				497.372		30.400		30.400	7		
	Lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội	7				497.372		30.400		30.400	7		
1	Xây dựng cơ sở làm việc Công an huyện Ba Vì	1	Ba Vì	2018-2023	5365/QĐ-UBND 08/10/2018; 3718/QĐ-UBND 27/7/2021; 2660/QĐ-UBND 01/8/2022	59.297		5.500		5.500	1	Ban QLDA ĐTXD công trình Dân dụng Thành phố	
2	Xây dựng cơ sở làm việc Công an huyện Phú Xuyên	1	Phú Xuyên	2018-2023	5993/QĐ-UBND 31/10/2018; 3156/QĐ-UBND 07/7/2021; 2659/QĐ-UBND 01/8/2022	82.210		8.000		8.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình Dân dụng Thành phố	
3	Xây dựng cơ sở làm việc Công an quận Bắc Từ Liêm	1	Bắc Từ Liêm	2018-2023	6003/QĐ-UBND 31/10/2018; 2686/QĐ-UBND 18/6/2021; 2823/QĐ-UBND 09/8/2022	81.523		7.000		7.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình Dân dụng Thành phố	

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Chủ trương/Quyết định		Kế hoạch trung hạn 5 năm 2021-2025 đã được phê duyệt	Điều chỉnh và xác định kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025		Kế hoạch trung hạn 5 năm 2021-2025 sau điều chỉnh	CTHT 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Điều chỉnh KHV	Xác định kế hoạch trung hạn				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
4	Xây dựng cơ sở làm việc Công an huyện Thanh Oai	1	Thanh Oai	2018-2023	5753/QĐ-UBND 25/10/2018; 2594/QĐ-UBND 14/6/2021; 2662/QĐ-UBND 01/8/2022	53.397		600		600	1	Ban QLDA ĐTXD công trình Dân dụng Thành phố	
5	Xây dựng cơ sở làm việc Công an quận Hà Đông	1	Hà Đông	2018-2023	5997/QĐ-UBND 31/10/2018; 1793/QĐ-UBND 19/4/2021; 3030/QĐ-UBND 23/8/2022	85.636		2.300		2.300	1	Ban QLDA ĐTXD công trình Dân dụng Thành phố	
6	Xây dựng cơ sở làm việc Công an huyện Quốc Oai	1	Quốc Oai	2018-2023	5994/QĐ-UBND 31/10/2018; 2271/QĐ-UBND 21/5/2021; 2657/QĐ-UBND 01/8/2022	36.808		2.700		2.700	1	Ban QLDA ĐTXD công trình Dân dụng Thành phố	
7	Xây dựng cơ sở làm việc Công an Huyện Đan Phượng	1	Đan Phượng	2018-2023	6005/QĐ-UBND 31/10/2018; 2949/QĐ-UBND 05/7/2021; 2661/QĐ-UBND 01/8/2022	98.501		4.300		4.300	1	Ban QLDA ĐTXD công trình Dân dụng Thành phố	
A.2	Dự án mới có tính khẩn cấp (lĩnh vực môi trường)	1				51.077		46.000		46.000	1		
1	Xây dựng hồ chứa sinh học khẩn cấp phục vụ công tác vận hành tại khu đất xen kẹt 10,5ha khu phía Bắc giai đoạn II, Khu liên hợp xử lý chất thải Nam Sơn, huyện Sóc Sơn	1	Sóc Sơn	2022	2509/QĐ-UBND 18/7/2022	51.077		46.000		46.000	1	Sở Xây dựng	(dự án khẩn cấp)
B	Xác định kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 cho các dự án mới được phê duyệt chủ trương đầu tư	39				12.691.754			7.668.200	7.668.200	26		

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Chủ trương/Quyết định		Kế hoạch trung hạn 5 năm 2021-2025 đã được phê duyệt	Điều chỉnh và xác định kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025		Kế hoạch trung hạn 5 năm 2021-2025 sau điều chỉnh	CTHT 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Điều chỉnh KHV	Xác định kế hoạch trung hạn				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	Lĩnh vực an ninh, quốc phòng	1				85.000			76.000	76.000	1		(01 dự án tối mật được phê duyệt CTĐT tại kỳ họp HĐND Thành phố tháng 7/2022)
II	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	5				420.129			374.300	374.300	5		
1	Cải tạo, nâng cấp Trường THPT Đa Phúc, huyện Sóc Sơn	1	Sóc Sơn	2022-2025	14/NQ-HĐND 06/7/2022	81.555			69.300	69.300	1	UBND huyện Sóc Sơn	
2	Xây dựng, cải tạo trường THPT chuyên Hà Nội - Amsterdam, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	1	Cầu Giấy	2023-2025	Tháng 9/2022	94.856			85.000	85.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình Dân dụng Thành phố	
3	Cải tạo, xây dựng Trường THPT Xuân Mai, huyện Chương Mỹ	1	Chương Mỹ	2023-2025	Tháng 9/2022	79.727			70.000	70.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
4	Cải tạo, xây dựng trường THPT Chương Mỹ A, huyện Chương Mỹ	1	Chương Mỹ	2023-2025	Tháng 9/2022	88.991			80.000	80.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
5	Cải tạo, nâng cấp Trường THPT Lưu Hoàng, huyện Ứng Hòa	1	Ứng Hòa	2023-2025	Tháng 9/2022	75.000			70.000	70.000	1	UBND huyện Ứng Hòa	
III	Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình	4				2.051.521			1.390.100	1.390.100	1		
1	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thất	1	Thạch Thất	2022-2026	Tháng 9/2022	780.123			330.000	330.000		UBND huyện Thạch Thất	
2	Xây dựng Bệnh viện Tim Hà Nội cơ sở 2	1	Tây Hồ	2022-2025	Tháng 9/2022	789.046			710.100	710.100	1	Ban QLDA ĐTXD công trình Dân dụng Thành phố	
3	Xây dựng Trung tâm Pháp y Hà Nội	1	Cầu Giấy	2023-2026	Tháng 9/2022	277.853			200.000	200.000		Ban QLDA ĐTXD công trình Dân dụng Thành phố	

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Chủ trương/Quyết định		Kế hoạch trung hạn 5 năm 2021-2025 đã được phê duyệt	Điều chỉnh và xác định kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025		Kế hoạch trung hạn 5 năm 2021-2025 sau điều chỉnh	CTHT 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Điều chỉnh KHV	Xác định kế hoạch trung hạn				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
4	Nâng cấp bệnh viện đa khoa Hồ Nai tại trụ sở số 17 phố Hồ Nai, phường Nguyễn Trung Trục, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội	1	Ba Đình	2023-2026	Tháng 9/2022	204.499			150.000	150.000		Ban QLDA ĐTXD công trình Dân dụng Thành phố	
IV	Lĩnh vực Văn hóa Thông tin	4				1.210.534			969.600	969.600	4		
1	Bảo tồn, tôn tạo di tích đình Ngự Triều Di Quy và Am Mỵ Châu tại khu di tích Thành Cổ Loa	1	Đông Anh	2022-2025	14/NQ-HĐND 06/7/2022	61.308			52.000	52.000	1	Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội	
2	Tu bổ, tôn tạo cụm di tích đền An Dương Vương tại Khu di tích Thành Cổ Loa	1	Đông Anh	2022-2025	14/NQ-HĐND 06/7/2022	58.082			49.400	49.400	1	Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội	
3	Công trình trọng điểm giai đoạn 2021-2025: Bảo tồn khu vực khảo cổ học 18 Hoàng Diệu	1	Ba Đình	2022-2025	14/NQ-HĐND 06/7/2022	792.742			718.200	718.200	1	Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội	
4	Công trình trọng điểm giai đoạn 2021-2025: Xây dựng đền thờ Đức vua Ngô Quyền tại khu di tích Thành Cổ Loa, huyện Đông Anh	1	Đông Anh	2022-2025	14/NQ-HĐND 06/7/2022; Tháng 9/2022	298.402			150.000	150.000	1	UBND huyện Đông Anh	Ngân sách Thành phố là 150 tỷ đồng và còn lại là ngân sách huyện, xã hội hóa
V	Lĩnh vực Thể dục - Thể thao	2				339.395			256.200	256.200	1		
1	Cải tạo, nâng cấp Nhà ở vận động viên đơn nguyên 1,2,3,4 Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao Hà Nội	1	Nam Từ Liêm	2022-2025	14/NQ-HĐND 06/7/2022	271.060			198.200	198.200		Ban QLDA ĐTXD công trình Dân dụng Thành phố	
2	Cải tạo, nâng cấp công trình khu nhà luyện tập 3 tầng	1	Nam Từ Liêm	2022-2025	14/NQ-HĐND 06/7/2022	68.335			58.000	58.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình Dân dụng Thành phố	
VI	Lĩnh vực đề điều	4				915.367			520.000	520.000	2		

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Chủ trương/Quyết định		Kế hoạch trung hạn 5 năm 2021-2025 đã được phê duyệt	Điều chỉnh và xác định kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025		Kế hoạch trung hạn 5 năm 2021-2025 sau điều chỉnh	CTHT 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Điều chỉnh KHV	Xác định kế hoạch trung hạn				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đê tả Hồng đoạn từ K48+165 đến K64+126 thuộc địa bàn huyện Đông Anh	1	Đông Anh	2023-2026	14/NQ-HĐND 06/7/2022	478.000			330.000	330.000		UBND huyện Đông Anh	
2	Xử lý sự cố sạt lở bờ hữu sông Hồng tương ứng từ K94+010 đến K94+389, đê hữu Hồng, huyện Thường Tín	1	Thường Tín	2023-2025	14/NQ-HĐND 06/7/2022	23.981			20.000	20.000	1	UBND huyện Thường Tín	
3	Xử lý sạt lở khu vực thượng lưu kè Thanh Am (tương ứng K4+200 đến K4+500 đê hữu Đuống), thuộc địa bàn phường Thượng Thanh, quận Long Biên và hạ lưu kè Tỉnh Quang (từ K6+500 đến K6+900 đê hữu Đuống), thuộc địa bàn phường Giang Biên, quận Long Biên	1	Long Biên	2022-2024	14/NQ-HĐND 06/7/2022	33.386			30.000	30.000	1	UBND quận Long Biên	
4	Nâng cấp tuyến đê hữu Hồng kết hợp làm đường giao thông trên địa bàn thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội	1	Sơn Tây	2024-2027	Tháng 9/2022	380.000			140.000	140.000		UBND thị xã Sơn Tây	
VII	Lĩnh vực thủy lợi	11				1.144.888			686.000	686.000	6		
1	Nạo vét, gia cố bờ kênh tiêu trạm bơm Vĩnh Mộ trên địa bàn huyện Thường Tín	1	Thường Tín	2023-2025	14/NQ-HĐND 06/7/2022	77.635			65.000	65.000	1	UBND huyện Thường Tín	
2	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu dẫn vào các trạm bơm: tiêu Trại Ro; tiêu Thông Đạt; tiêu Cấn Hạ, huyện Quốc Oai	1	Quốc Oai	2023-2025	14/NQ-HĐND 06/7/2022	66.354			55.000	55.000	1	UBND huyện Quốc Oai	
3	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu Vực Giang - Sông Tích, huyện Thạch Thất	1	Thạch Thất	2023-2025	14/NQ-HĐND 06/7/2022	47.657			41.000	41.000	1	UBND huyện Thạch Thất	
4	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh tiêu N22 kết hợp làm đường giao thông, huyện Chương Mỹ	1	Chương Mỹ	2023-2025	14/NQ-HĐND 06/7/2022	79.500			70.000	70.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
5	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tưới, tiêu trạm bơm Đàm Mới, huyện Chương Mỹ	1	Chương Mỹ	2023-2025	14/NQ-HĐND 06/7/2022	60.000			55.000	55.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Chủ trương/Quyết định		Kế hoạch trung hạn 5 năm 2021-2025 đã được phê duyệt	Điều chỉnh và xác định kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025		Kế hoạch trung hạn 5 năm 2021-2025 sau điều chỉnh	CTHT 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Điều chỉnh KHV	Xác định kế hoạch trung hạn				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
6	Kiên cố mái, mặt tả bờ sông Lương kết hợp giao thông từ trạm bơm Đồng Lạc đến Cầu Hòa Thượng, huyện Phú Xuyên	1	Phú Xuyên	2023-2025	14/NQ-HĐND 06/7/2022	34.949			30.000	30.000	1	Ban QLDA ĐTXD CT Hạ tầng kỹ thuật và Nông nghiệp Thành phố	
7	Nạo vét, gia cố bờ sông Tô Lịch huyện Thường Tín (khôi thông dòng chảy, kè, nâng cấp mặt đê tạo cảnh quan, bộ hành 2 bờ sông Tô Lịch dài 7Km trên địa bàn huyện Thường Tín)	1	Thường Tín	2023-2025	14/NQ-HĐND 06/7/2022	223.273			170.000	170.000		UBND huyện Thường Tín	
8	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tiêu Cộng Hoà 1 và hệ thống kênh tiêu (kênh tiêu S8, kênh tiêu Đầm Bung 2, kênh nhánh), huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	1	Quốc Oai	2023-2026	Tháng 9/2022	197.920			75.000	75.000		UBND huyện Quốc Oai	
9	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh tiêu T6 kết hợp làm đường giao thông (từ trạm bơm Đào Nguyên đến sông Đáy), huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội	1	Hoài Đức	2023-2026	Tháng 9/2022	129.000			45.000	45.000		UBND huyện Hoài Đức	NSTP: 70% NS huyện: 30%
10	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu T5 giai đoạn 2, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội	1	Hoài Đức	2023-2026	Tháng 9/2022	96.000			30.000	30.000		UBND huyện Hoài Đức	NSTP: 70% NS huyện: 30%
11	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh chính Tam Bảo, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội	1	Mê Linh	2023-2026	Tháng 9/2022	132.600			50.000	50.000		UBND huyện Mê Linh	
VIII	Lĩnh vực giao thông vận tải	6				6.272.727			3.183.000	3.183.000	4		
1	Đầu tư xây dựng lắp đặt hệ thống cửa chắn ke ga tại các ga trên tuyến Đường sắt đô thị Hà Nội, tuyến Cát Linh - Hà Đông	1	Hà Nội	2022-2023	14/NQ-HĐND 06/7/2022	7.968			7.000	7.000	1	Công ty TNHH MTV Đường sắt Hà Nội	
2	Hỗ trợ quản lý vận hành, khai thác tuyến đường sắt đô thị thí điểm thành phố Hà Nội đoạn Nhôn - Ga Hà Nội	1	Hà Nội	2022-2023	14/NQ-HĐND 06/7/2022	70.378			63.000	63.000	1	Công ty TNHH MTV Đường sắt Hà Nội	

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Chủ trương/Quyết định		Kế hoạch trung hạn 5 năm 2021-2025 đã được phê duyệt	Điều chỉnh và xác định kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025		Kế hoạch trung hạn 5 năm 2021-2025 sau điều chỉnh	CTHT 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Điều chỉnh KHV	Xác định kế hoạch trung hạn				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
3	Đầu tư xây dựng, lắp đặt hệ thống thiết bị cân kiểm soát tải trọng xe trên đường bộ thuộc địa bàn Thành phố	1	Hoàng Mai, Đông Anh, Sơn Tây	2022-2024	14/NQ-HĐND 06/7/2022	315.695			253.000	253.000	1	Sở Giao thông Vận tải	
4	Cải tạo, bổ sung kết nối tín hiệu giao thông đường bộ với đường sắt để đảm bảo an toàn giao thông các điểm giao cắt giữa đường bộ với đường sắt	1	Hà Nội	2022-2025	14/NQ-HĐND 06/7/2022	24.600			20.000	20.000	1	Sở Giao thông Vận tải	
5	Công trình trọng điểm 2021-2025: Xây dựng nút giao khác mức giữa đường vành đai 3,5 với Đại lộ Thăng Long, huyện Hoài Đức	1	Hoài Đức	2022-2026	Tháng 9/2022	2.458.338			1.770.000	1.770.000		Ban QLDA ĐTXD công trình Dân dụng Thành phố	Từ nguồn bổ sung cho tổng nguồn kế hoạch đầu tư công trung hạn tại kỳ họp HĐND Thành phố tháng 9/2022
6	Công trình trọng điểm 2021-2025: Dự án đầu tư, nâng cấp mở rộng đường 70 (đoạn từ Trịnh Văn Bô đến hết địa phận quận Nam Từ Liêm)	1	Nam Từ Liêm, Hà Đông	2022-2027	Tháng 9/2022	3.395.748			1.070.000	1.070.000		UBND quận Nam Từ Liêm	Từ nguồn bổ sung cho tổng nguồn kế hoạch đầu tư công trung hạn tại kỳ họp HĐND Thành phố tháng 9/2022 Cơ cấu nguồn vốn: NSTP: 70% NS quận 30%
IX	Lĩnh vực tái định cư	1				144.893			123.000	123.000	1		
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại xóm Ninh Liệt, thôn 9, xã Hồng Kỳ phục vụ di dân vùng ảnh hưởng môi trường Khu liên hợp xử lý chất thải Sóc Sơn trong phạm vi bán kính 500m từ hàng rào khu LHXLCT Sóc Sơn	1	Sóc Sơn	2021-2023	01/NQ-HĐND 29/3/2021	144.893			123.000	123.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Chủ trương/Quyết định		Kế hoạch trung hạn 5 năm 2021-2025 đã được phê duyệt	Điều chỉnh và xác định kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025		Kế hoạch trung hạn 5 năm 2021-2025 sau điều chỉnh	CTHT 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Điều chỉnh KHV	Xác định kế hoạch trung hạn				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
X	Lĩnh vực hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	1				107.300			90.000	90.000	1		
1	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND Thành phố và Cải tạo sửa chữa Hội trường tầng 3 Trụ sở HĐND Thành phố và UBND Thành phố	1	Hoàn Kiếm	2022 - 2024	Tháng 9/2022	107.300			90.000	90.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình Dân dụng Thành phố	Bổ sung từ nguồn dự phòng đầu tư công trung hạn
C	Bổ sung kế hoạch vốn cho các dự án đã được điều chỉnh chủ trương đầu tư và thực hiện công tác giải phóng mặt bằng để hoàn thành dự án	11				1.875.772	1.035.000	351.200		1.386.200	11		
1	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	3				157.778	81.000	36.600		117.600	3		
1	Đầu tư xây dựng cơ sở 2 của Trường cao đẳng nghề công nghiệp Hà Nội	1	Nam Từ Liêm	2022-2024	6205/QĐ-UBND 17/11/2015 (CTĐT); 03/NQ-HĐND 08/4/2022	54.833	30.000	16.600		46.600	1	Trường cao đẳng nghề công nghiệp Hà Nội	Vốn từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của trường 3.000 triệu đồng
2	Xây dựng nhà học đa năng và nhà xưởng thực hành Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội	1	Cầu Giấy	2022-2025	7334/QĐ-UBND 30/12/2015 (CTĐT); 03/NQ-HĐND 08/4/2022	45.724	28.000	3.000		31.000	1	Trường cao đẳng điện tử - điện lạnh Hà Nội	Vốn nhà trường 10 tỷ đồng
3	Xây dựng, cải tạo trường THPT Yên Lãng, huyện Mê Linh	1	Mê Linh	2019-2023	6118/QĐ-UBND 31/10/2019; 51/QĐ-UBND 05/1/2021; 14/NQ-HĐND 06/7/2022	57.221	23.000	17.000		40.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình Dân dụng Thành phố	
II	Lĩnh vực văn hóa thông tin	1				21.875		18.600		18.600	1		
1	Cải tạo, nâng cấp Cung Thanh niên Hà Nội	1	Hai Bà Trưng	2022-2023	5708/QĐ-UBND 28/10/2015; 14/NQ-HĐND 06/7/2022	21.875		18.600		18.600	1	Ban QLDA ĐTXD công trình Dân dụng Thành phố	
III	Lĩnh vực thủy lợi	1				54.956	40.000	10.000		50.000	1		

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Chủ trương/Quyết định		Kế hoạch trung hạn 5 năm 2021-2025 đã được phê duyệt	Điều chỉnh và xác định kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025		Kế hoạch trung hạn 5 năm 2021-2025 sau điều chỉnh	CTHT 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Điều chỉnh KHV	Xác định kế hoạch trung hạn				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Nâng cấp, mở rộng hệ thống công trình và trạm bơm Đình Thông, huyện Sóc Sơn	1	Sóc Sơn	2022-2024	329/QĐ-UBND 17/01/2017; 14/NQ-HĐND 06/7/2022	54.956	40.000	10.000		50.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
IV	Lĩnh vực giao thông	6				1.641.163	914.000	286.000		1.200.000	6		
1	Dự án xây dựng cầu Mụ huyện Chương Mỹ, huyện Thanh Oai	1	Chương Mỹ; Thanh Oai	2022-2024	3783/QĐ-UBND 15/7/2019; 30/NQ-HĐND 08/12/2021	90.900	40.000	40.000		80.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
2	Đầu tư xây dựng hầm chui tại nút giao giữa đường Vành đai 2,5 với đường Giải Phóng (QL1A cũ), quận Hoàng Mai	1	Hoàng Mai	2022-2025	5804/QĐ-UBND 26/10/2018; 03/NQ-HĐND 08/04/2022; 1949/QĐ-UBND 09/6/2022	778.393	605.000	45.000		650.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
3	Đầu tư xây dựng công trình cầu 72-II trên đường tỉnh 423 trên địa bàn 02 huyện: Quốc Oai và Hoài Đức	1	Quốc Oai, Hoài Đức	2022-2025	18/NQ-HĐND 25/10/2019; 14/NQ-HĐND 06/7/2022	260.278	85.000	108.000		193.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
4	Đầu tư xây dựng công trình cầu Tân Phú bắc qua sông Đáy, huyện Quốc Oai	1	Quốc Oai, Hoài Đức	2022-2024	1824/QĐ-UBND 17/4/2019; 14/NQ-HĐND 06/7/2022	58.009	24.000	23.000		47.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
5	Cải tạo, chỉnh trang đường tỉnh lộ 427 đoạn từ QL21 B đến nút giao Khê Hối (đường cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ) trên địa bàn huyện Thường Tín	1	Thường Tín	2019-2023	5951/QĐ-UBND 31/10/2018; 14/NQ-HĐND 06/7/2022	200.610	50.000	30.000		80.000	1	UBND huyện Thường Tín	

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Chủ trương/Quyết định		Kế hoạch trung hạn 5 năm 2021-2025 đã được phê duyệt	Điều chỉnh và xác định kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025		Kế hoạch trung hạn 5 năm 2021-2025 sau điều chỉnh	CTHT 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Điều chỉnh KHV	Xác định kế hoạch trung hạn				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
6	Xây dựng hoàn chỉnh, khớp nối hạ tầng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp vừa và nhỏ Phú Thị, khu công nghiệp Dương Xá A, huyện Gia Lâm	1	Gia Lâm	2019-IV/2022	5849/QĐ-UBND 21/10/2019; 878/QĐ-UBND 10/3/2022	252.973	110.000	40.000		150.000	1	UBND huyện Gia Lâm	Bổ sung vốn trung hạn để thực hiện GPMB hoàn thành dự án (GPMB tăng thêm 32,545 tỷ đồng so với phê duyệt ban đầu)